

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Mai Thị Thu Hà**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI  
VIỆT PHONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Mai Thị Thu Hà  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Mai Thi Thu Hà Mã SV: 1412401030  
Lớp: QT1804K Ngành: Kế toán Kiểm toán  
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và  
vận tải Việt Phong

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Tổng hợp lý luận về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định chế độ kế toán hiện hành.
  - Khảo sát thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong năm 2017.
  - Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Số liệu kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Tập hợp các vấn đề lý luận về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định chế độ kế toán hiện hành.
- Khảo sát thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.
- Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong và xây dựng các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại doanh nghiệp.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày      tháng      năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày      tháng      năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

***Mai Thị Thu Hà***

***Ths. Phạm Văn Tường***

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2019***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên:      Phạm Văn Tường  
Đơn vị công tác:            Trường Đại học Dân lập Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên:      Mai Thị Thu Hà      Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán  
Đề tài tốt nghiệp:        Hoàn thiện công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Nội dung hướng dẫn:      Khóa luận tốt nghiệp

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ      ☒      Không được bảo vệ      ☐      Điểm hướng dẫn      ☐

*Hải Phòng, ngày 04 tháng 01 năm 2019*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Phạm Văn Tường**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                        |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| LỜI MỞ ĐẦU.....                                                                                                                        | 1  |
| CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....               | 3  |
| 1.1. Những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....                                                    | 3  |
| 1.1.1. Những lý luận về doanh thu: .....                                                                                               | 3  |
| 1.1.1.1. Khái niệm: .....                                                                                                              | 3  |
| 1.1.1.2. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu.....                                             | 3  |
| 1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp .....                                                                           | 5  |
| 1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp .....                                                                                       | 6  |
| 1.1.2.1. Khái niệm .....                                                                                                               | 6  |
| 1.1.2.2. Các loại chi phí.....                                                                                                         | 6  |
| 1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....                                                                                        | 8  |
| 1.1.3.1. Khái niệm .....                                                                                                               | 8  |
| 1.1.3.2. Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh.....                                                                              | 8  |
| 1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.....                                              | 9  |
| 1.3. Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh .....                                                           | 10 |
| 1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....                                               | 10 |
| 1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....                                                                          | 10 |
| 1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....                                                                                    | 13 |
| 1.3.2. Kế toán chi phí .....                                                                                                           | 14 |
| 1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán .....                                                                                                | 14 |
| 1.3.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....                                                                                      | 19 |
| 1.3.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính .                                                        | 22 |
| 1.3.2.4. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác .....                                                               | 25 |
| 1.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....                                                                                        | 29 |
| 1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... | 33 |
| 1.4.1. Ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....                                                                                        | 33 |
| 1.4.2 Hình thức nhật kí- sổ cái .....                                                                                                  | 35 |
| 1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ .....                                                                                                 | 36 |

|                                                                                                                                                                                            |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.4.4. Phần mềm kế toán trên máy tính .....                                                                                                                                                | 37 |
| CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI VIỆT PHONG. ....                                 | 39 |
| 2.1. Một số nét khái quát về Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong .....                                                                                                 | 39 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển. ....                                                                                                                                            | 39 |
| 2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của công ty.....                                                                                                                                                | 39 |
| 2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty .....                                                                                                                                                | 40 |
| 2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý.....                                                                                                                                                 | 40 |
| 2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....                                                                                                                                                 | 42 |
| 2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán .....                                                                                                                                                | 42 |
| 2.1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán tại công ty .....                                                                                                                  | 43 |
| 2.1.5.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty.....                                                                                                                                 | 43 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong. ....                               | 45 |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong. ....                                                                                                 | 45 |
| 2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong .....                                                                                                   | 56 |
| 2.2.2.1. Kế toán chi phí giá vốn hàng bán .....                                                                                                                                            | 56 |
| 2.2.2.2. Chi phí quản lý kinh doanh.....                                                                                                                                                   | 64 |
| 2.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính .....                                                                                                                              | 72 |
| 2.2.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....                                                                                                                                        | 72 |
| 2.2.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....                                                                                                                                          | 76 |
| 2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....                                                                                                                                          | 80 |
| 2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....                                                                                                                                           | 80 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI VIỆT PHONG. ....          | 90 |
| 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong ..... | 90 |
| 3.1.1. Ưu điểm .....                                                                                                                                                                       | 90 |



|                                                                                                                                                            |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 3.1.2. Hạn chế .....                                                                                                                                       | 90  |
| 3.2. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.....      | 91  |
| 3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong | 92  |
| 3.3.1. <i>Giải pháp 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty.</i> .....                                                                              | 92  |
| 3.3.2. <i>Giải pháp 2: thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán</i> .....                                                                                | 96  |
| KẾT LUẬN.....                                                                                                                                              | 99  |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO .....                                                                                                                                   | 100 |

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán trong các doanh nghiệp được coi là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa doanh nghiệp với các đối tượng có liên quan với doanh nghiệp. Kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Trong những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác phát triển các loại hình doanh nghiệp ở nước ta khá đa dạng và phong phú đã cho phép nhiều nhà đầu tư hoạt động. Vì vậy đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh và đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra được các quyết định đúng đắn trong tương lai.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí, doanh thu thực hiện được và tối đa hóa lợi nhuận thu được. Đứng trước xu thế mở cửa hội nhập với kinh tế khu vực và quốc tế, vấn đề cấp bách đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện thị trường có sự tham gia của các công ty nước ngoài, công ty đa quốc gia. Một trong những biện pháp đó chính là tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để góp phần thực hiện tốt công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong nói riêng, em đã lựa chọn tham gia nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong”**.

### **❖ Kết cấu khóa luận tốt nghiệp**

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận được trình bày trong ba chương:

- **Chương I:** Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- **Chương II:** Thực trạng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.
- **Chương III:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tình của thầy giáo **Ths. Phạm Văn Tường** và sự tạo điều kiện, giúp đỡ của lãnh đạo *Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong*, các anh chị nhân viên phòng kế toán, ... để em hoàn thành đề tài này.

## **CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

### **1.1. Những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.1. Những lý luận về doanh thu:**

##### **1.1.1.1. Khái niệm:**

**Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14).

##### **1.1.1.2. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu**

##### **Các loại doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 - chuẩn mực số 14 (doanh thu và thu nhập khác): Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

##### ***\* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

##### ***\* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511) sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Thuế TTDB, thuế XK, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

##### ***\* Doanh thu hoạt động tài chính:***

Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính,

thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

\* **Thu nhập khác:** Là khoản doanh thu doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán thanh lý Tài sản cố định.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không các định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu tặng...
- + Các khoản thu khác. Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- + Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.
- + Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại.

- Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Với phương thức đại lý ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán

thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

#### **1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp**

Là các khoản làm giảm tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm các khoản sau:

- ***Chiết khấu thương mại:***

Là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán.

- ***Giảm giá hàng bán***

Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

- ***Giá trị hàng bán bị trả lại***

Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ)

hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

- ***Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:***

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế xuất của từng mặt hàng.

**Trong đó:**

- Thuế TTĐB: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm: số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

### **1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp**

#### **1.1.2.1. Khái niệm**

**Chi phí** là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

#### **1.1.2.2. Các loại chi phí**

- ***Giá vốn hàng bán:***

Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được

xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- ***Chi phí quản lý kinh doanh***

*Chi phí bán hàng:* Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển, chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng. Các chi phí bằng tiền khác.

*Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Là chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm: các chi phí nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp..., các khoản thuế phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

- ***Chi phí hoạt động tài chính***

Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các vấn đề về vốn, hoạt động đầu tư tài chính, các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí về cho thuê tài sản, thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác...

- ***Chi phí khác***

Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ năm trước. Nội dung của các khoản chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

- ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:***

Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$



Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

### **1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

#### **1.1.3.1. Khái niệm**

**Kết quả hoạt động kinh doanh** là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

#### **1.1.3.2. Những yếu tố để xác định kết quả kinh doanh**

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

**Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

## **1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh**

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu, số lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đang đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán,...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hóa, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

**1.3. Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh****1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu****1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****\* Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hoá đơn bán hàng đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho...

**\* Tài khoản sử dụng****- Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118: Doanh thu khác

**\* Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511****Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.
  - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
  - Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
  - Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
  - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

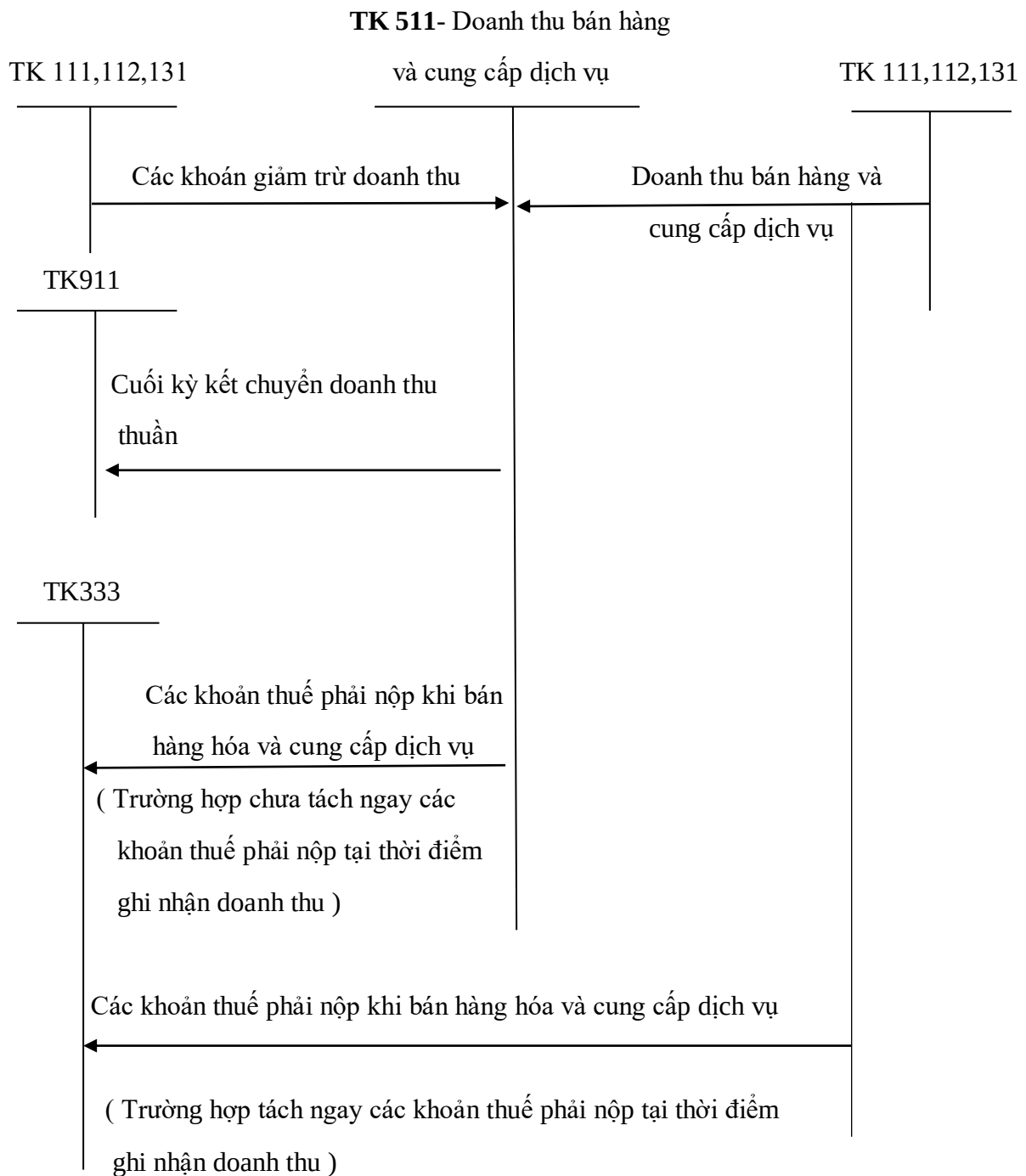
**Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

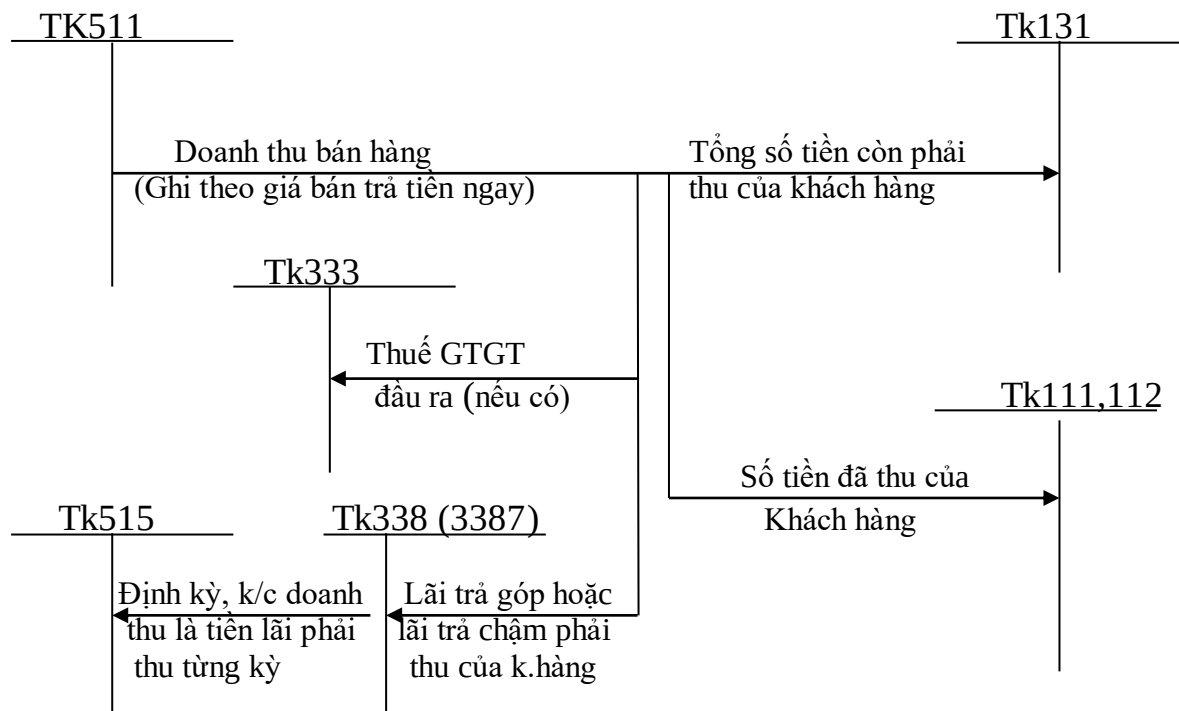
Tài khoản 511 không có số dư.

**\* Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

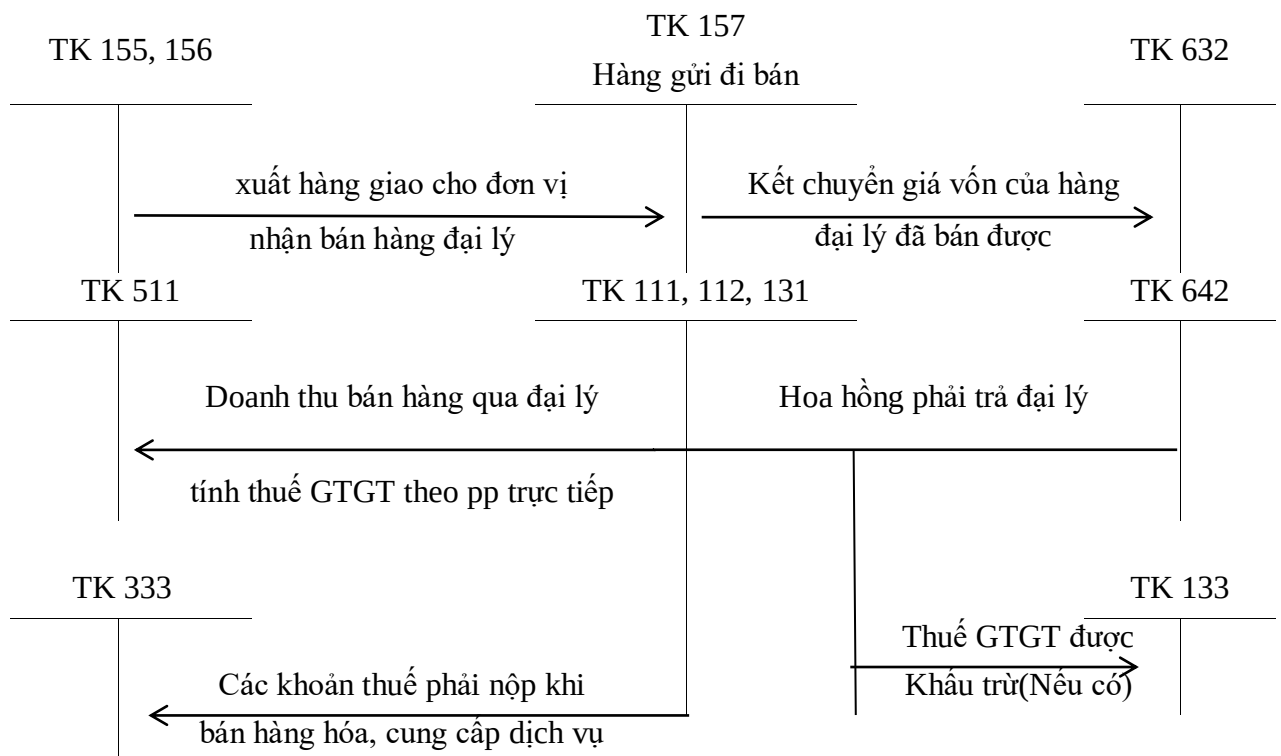
- Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:



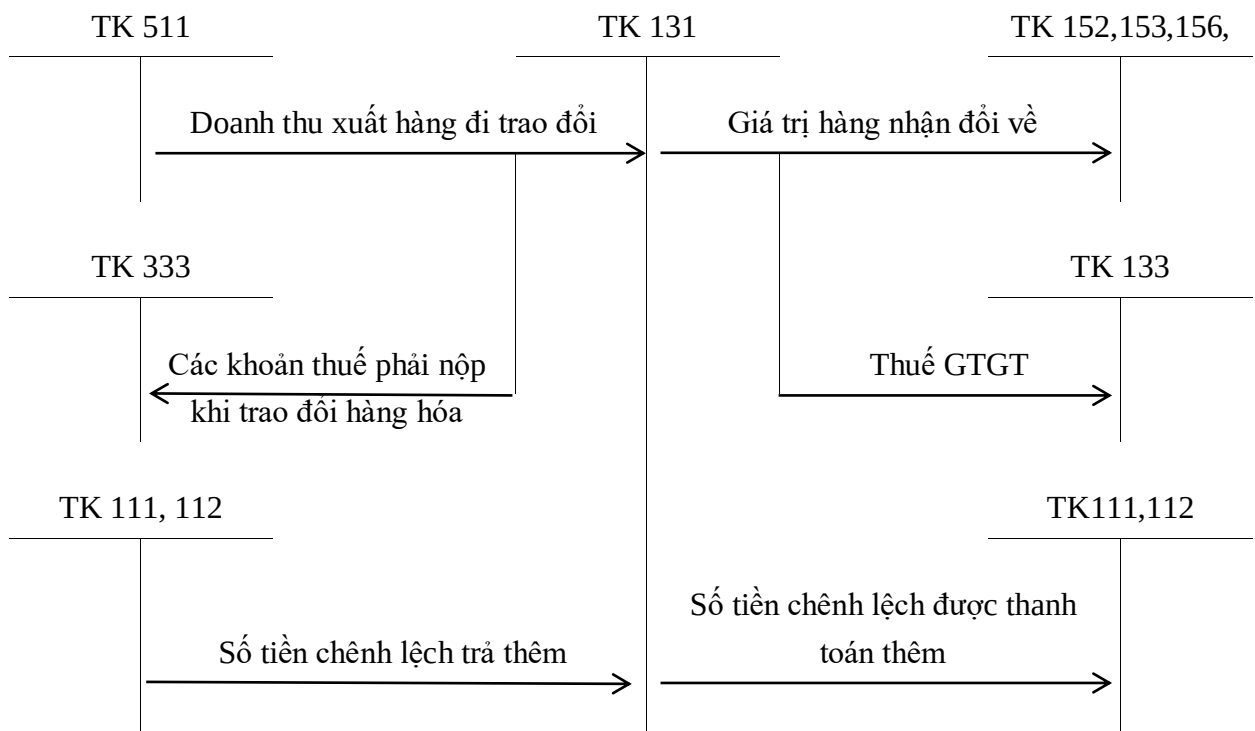
**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp**



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trả chậm, trả góp.**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp bán hàng qua đại lý (đối với bên giao đại lý)**



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp hàng đổi hàng**

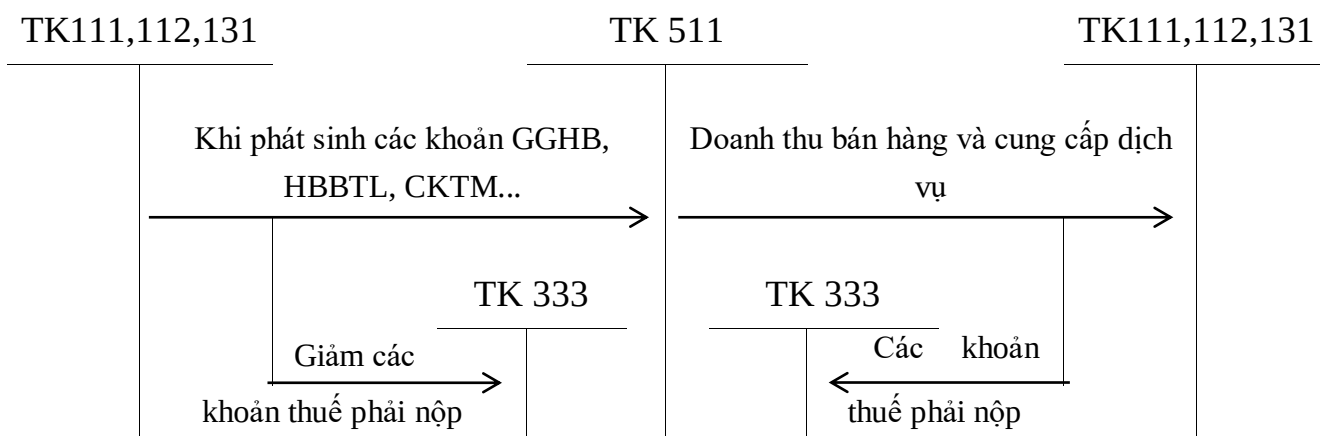
### 1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### \* Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hoá đơn bán hàng đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

#### \* Tài khoản sử dụng:

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính thì tài khoản 521 – tài khoản giảm trừ doanh thu đã bị xóa bỏ; Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**a) Phương pháp hạch toán****Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu****1.3.2. Kế toán chi phí****1.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán**

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

$$\text{Trị giá xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

**Trong đó có ba phương pháp để tính đơn giá hàng xuất kho:**

- **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm hàng hóa vật tư (hàng tồn kho) xuất được xác định trên cơ sở lấy số lượng xuất nhân ( với đơn giá bình quân. Phạm vi tính đơn giá xuất bình quân có thể là cả kỳ hiện tại, sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ trước trong đó:

**- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:**

Là phương pháp tính giá vốn hàng hóa xuất bán cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ kinh doanh:

|                                                                   |   |                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đơn giá xuất kho<br>bình quân gia<br>quyền của 1 loại<br>sản phẩm | = | $\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$ |
|-------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

- + Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ.
- + Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới tiến độ các phần hành khác, phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay thời điểm phát sinh.

**- Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:**

Trị giá vốn của hàng hóa xuất tính theo giá bình quân của lần nhập trước đó với nghiệp vụ xuất. Như vậy sau mỗi lần nhập kho phải tính lại giá bình quân của đơn vị hàng hóa trong kho làm cơ sở để tính giá hàng hóa xuất kho cho lần nhập sau đó.

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá hàng hóa vật} \\ \text{tư tồn trước lần} \\ \text{nhập thứ } i \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trị giá vật tư hàng hóa nhập lần} \\ \text{thứ } i \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng vật tư} \\ \text{hàng hóa tồn trước} \\ \text{lần nhập thứ } i \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng vật tư hàng hóa nhập} \\ \text{lần thứ } i \end{array}}$$

- + Ưu điểm: Khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
  - + Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn sức.
- ⇒ Phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, lưu lượng xuất nhập ít. Đặc biệt áp dụng trong kế toán máy.

• **Phương pháp FIFO(nhập trước xuất trước):** Áp dụng dựa trên giả định là hàng được nhập trước thì sẽ tiêu thụ trước. Do đó hàng tồn cuối kỳ là những hàng hóa nhập sau. Vì vậy giá vốn hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính theo giá của hàng hóa nhập trước.

+ Ưu điểm: Tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

+ Nhược điểm: Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên.



• **Phương pháp giá thực tế đích danh:** Sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

+ Ưu điểm: tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

+ Nhược điểm: Đòi hỏi điều kiện khắt khe, những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới áp dụng được phương pháp này.

**\* Chứng từ sử dụng:**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hoá đơn bán hàng thông thường

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng.

**\* Tài khoản sử dụng:**

✓ **Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán**

**\* Kết cấu nội dung tài khoản 632:**

**Bên Nợ:** - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.

- Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm lớn hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết)

**Bên Có:** - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

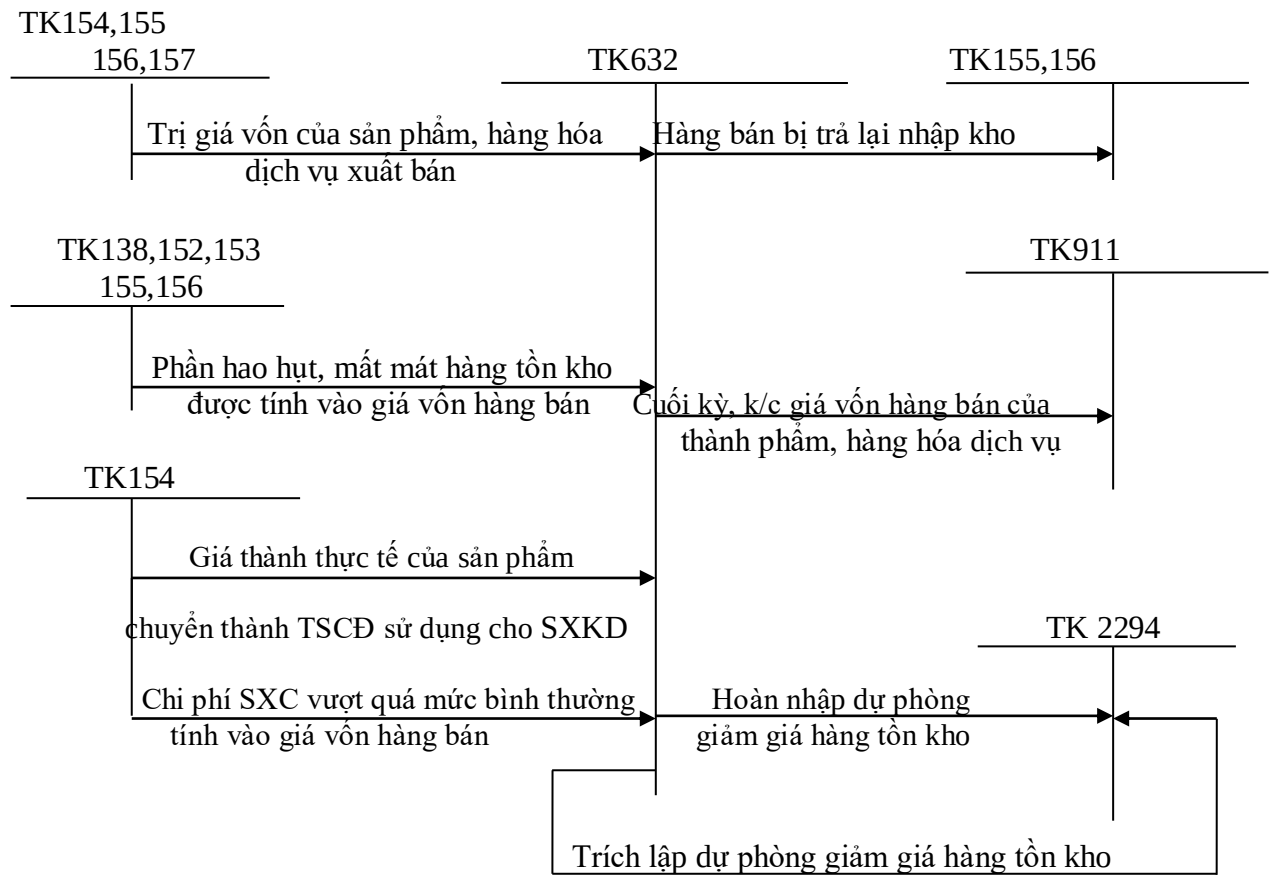
- Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước )

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

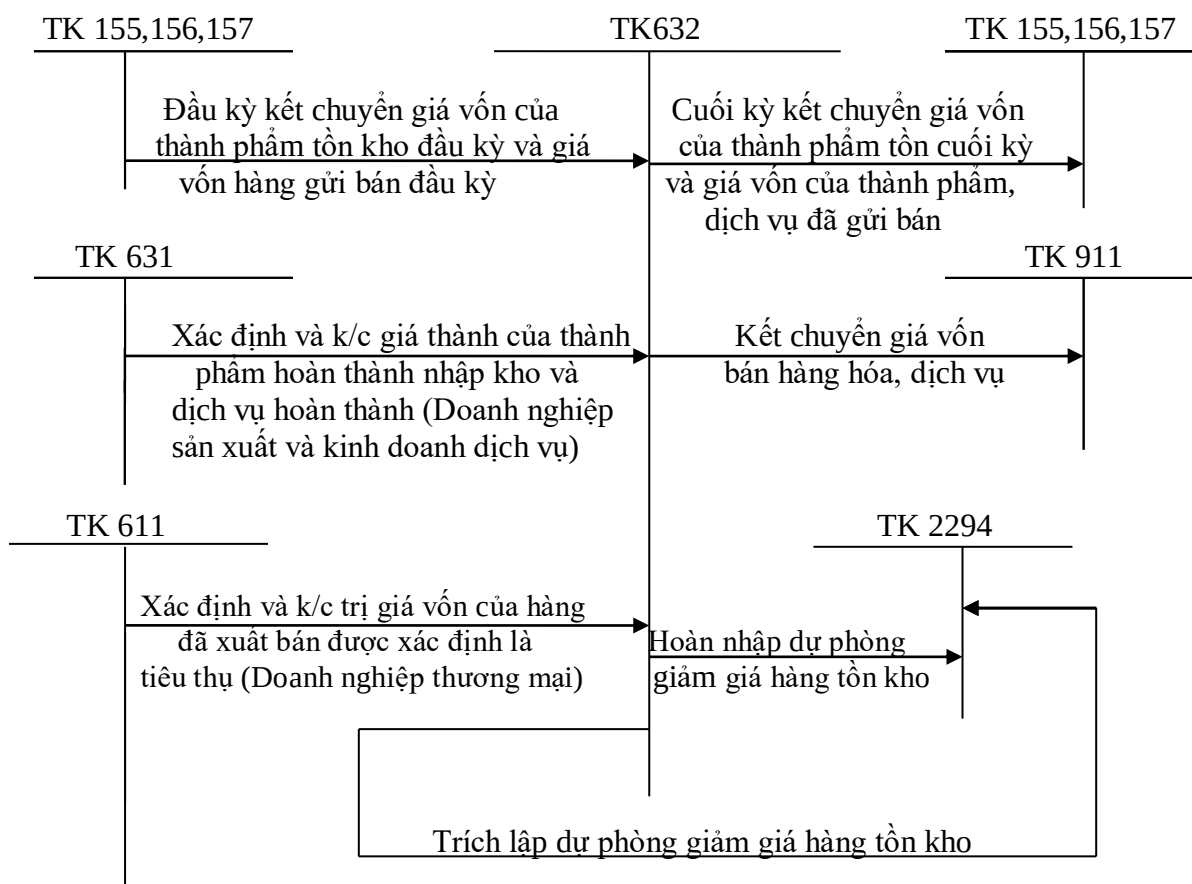
Tài khoản 632 không có số dư

***\*Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán.***

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được thể hiện qua sơ đồ 1.6, 1.7 như sau:



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

### 1.3.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ
- Các chứng từ gốc liên quan: phiếu chi, giấy báo nợ...

**\* Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642**

Tài khoản 642 không có số dư và gồm có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng
- + Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Bao gồm: chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm; hoa hồng bán hàng; Chi phí

bảo quản, đóng gói; lương nhân viên bộ phận bán hàng; khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; ...

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Bao gồm: lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng; Khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...)

✓ **Kết cấu của tài khoản 642**

**Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

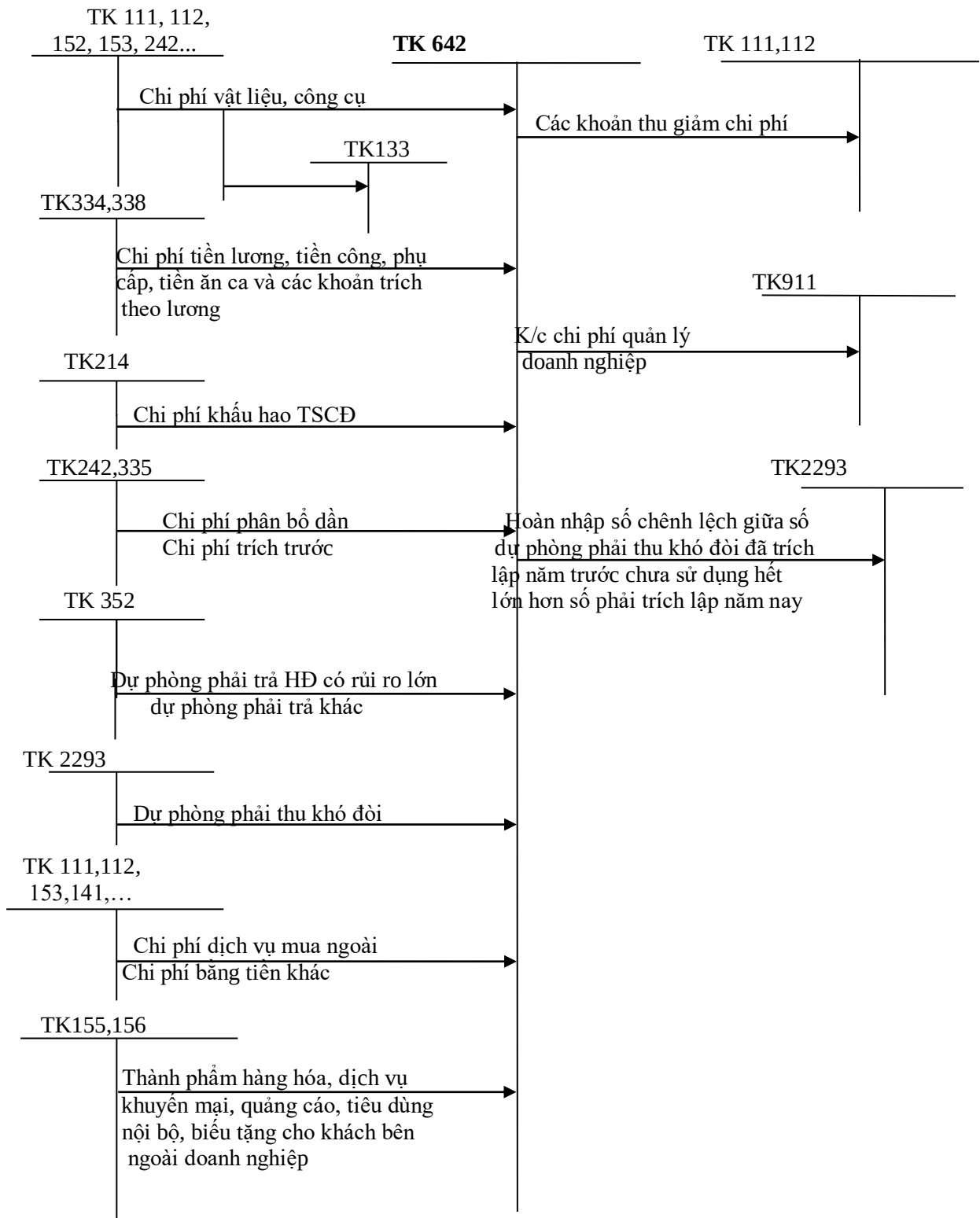
**Bên Có:**

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư.

**a) Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.8 như sau:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

### **1.3.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

**\* Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 515 (Doanh thu tài chính):** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**\* Kết cấu tài khoản này như sau:**

**Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp ( nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

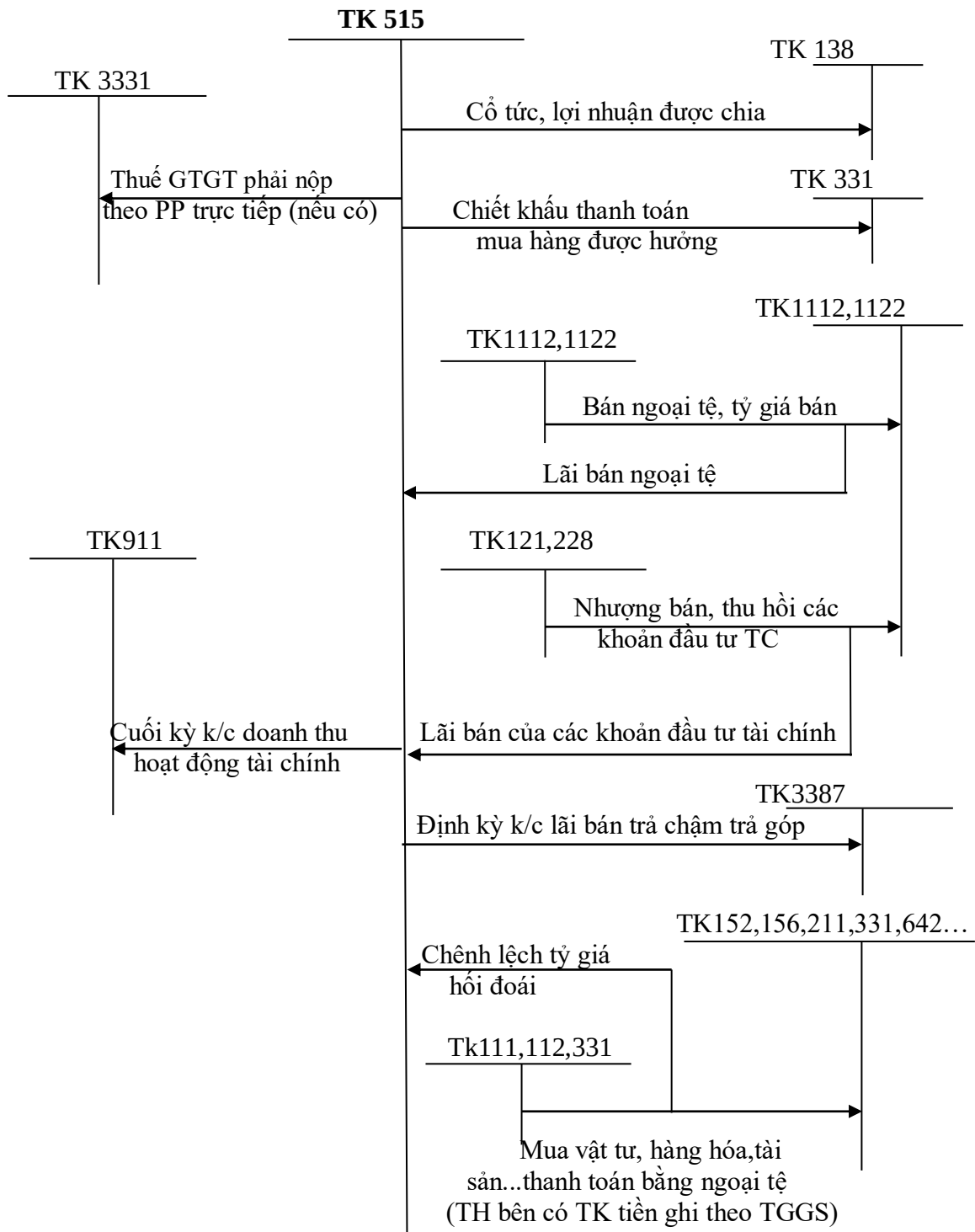
**Bên Có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoang thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

Tài khoản 515 không có số dư.

**\*Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.9 như sau:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.



- **Tài khoản 635 (Chi phí hoạt động tài chính):** Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

***Kết cấu tài khoản này như sau:***

**Bên Nợ:**

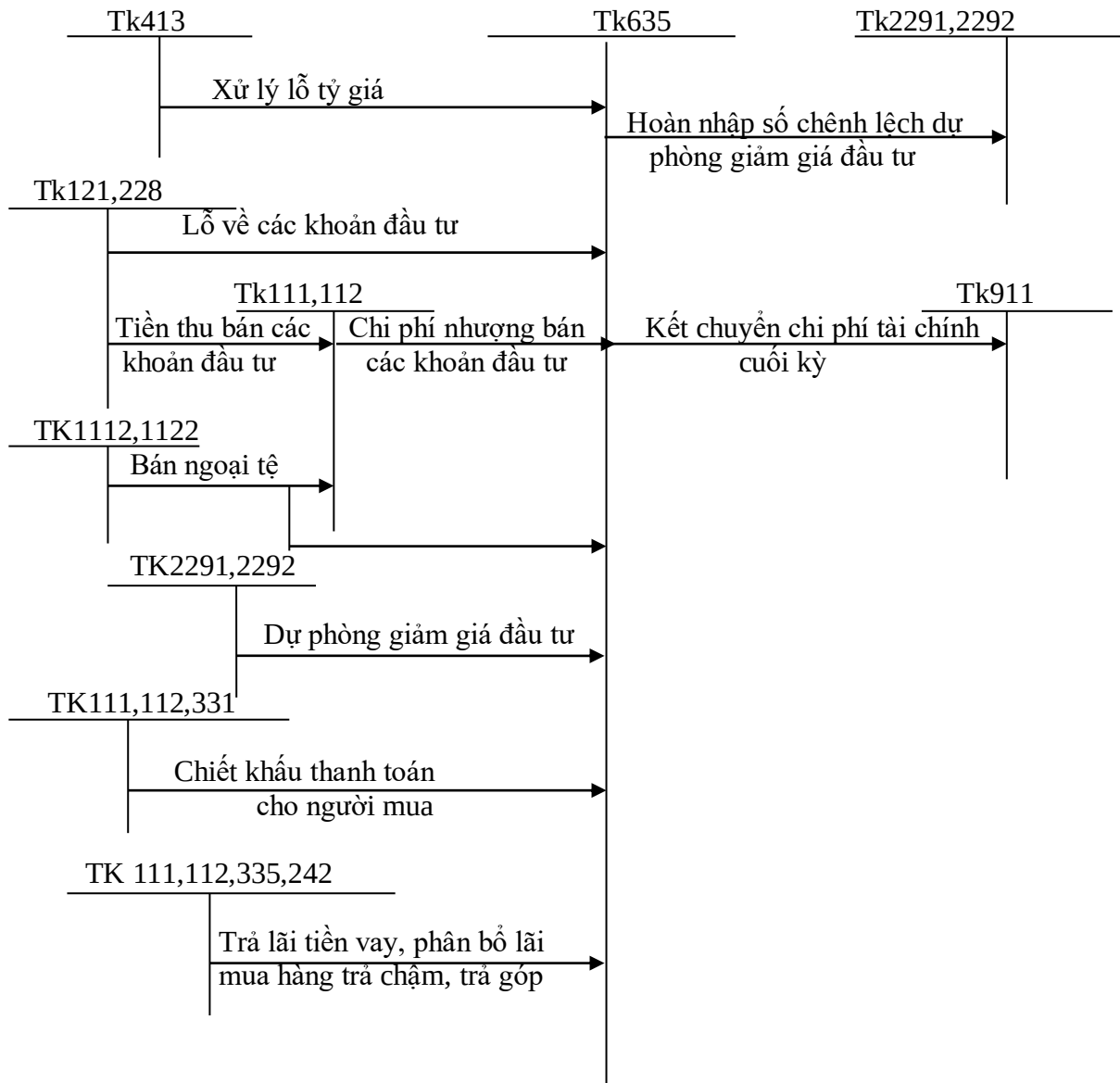
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh
- Các khoản chi phí tài chính khác

**Bên Có:**

- Các khoản giảm chi phí tài chính
  - Cuối kỳ k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định KQKD
- Tài khoản 635 không có số dư.

***\* Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.10 như sau:



Sơ đồ 1.10 : Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

#### 1.3.2.4. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác

##### \* Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

##### \* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711: Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**- Kết cấu tài khoản 711**

**Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp

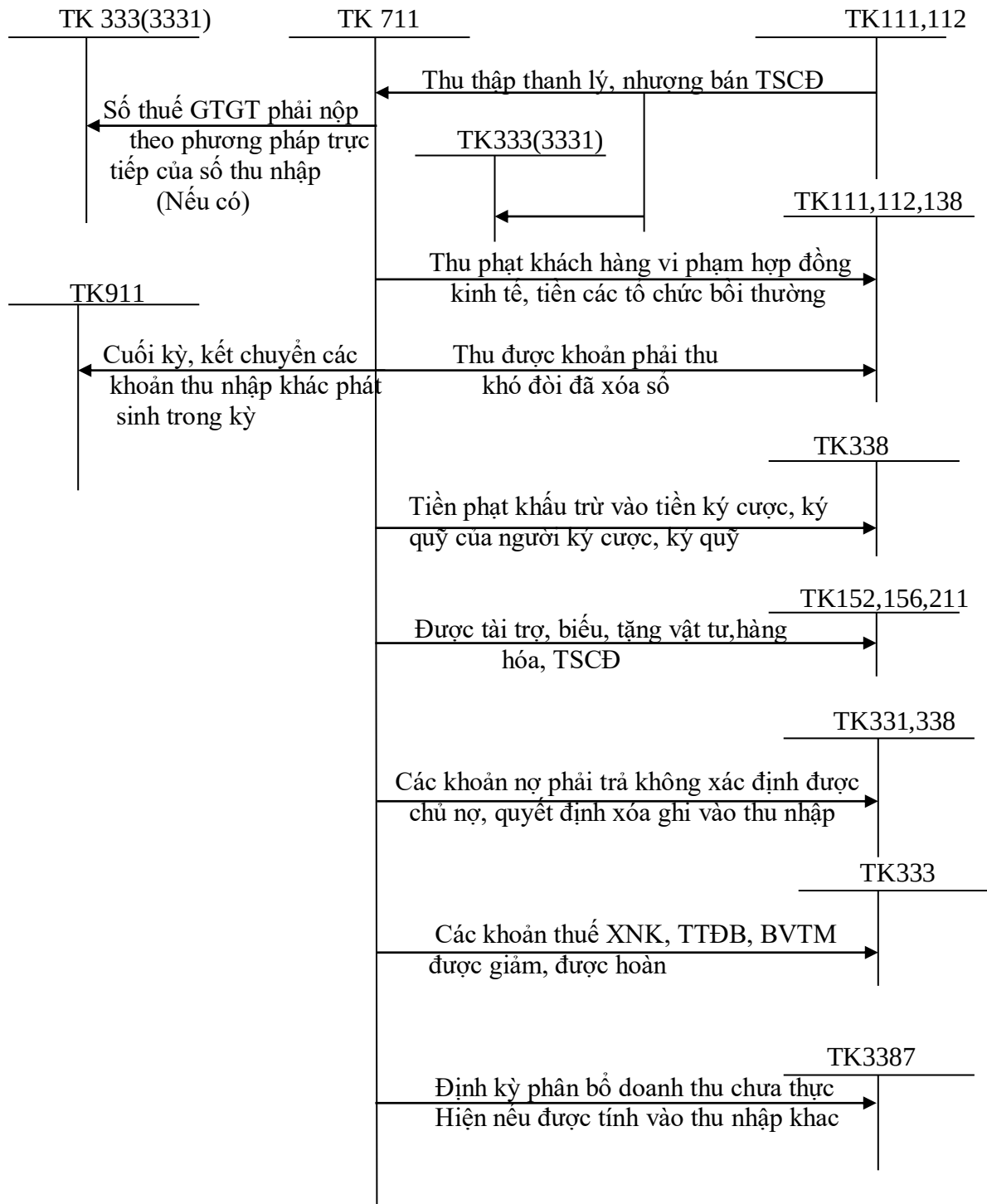
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911

**Bên Có:**

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ  
Tài khoản 711 không có số dư.

***\*Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được thể hiện qua sơ đồ 1.11 như sau:



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

#### - Tài khoản 811: Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

#### - Kết cấu tài khoản 811

**Bên Nợ:**

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

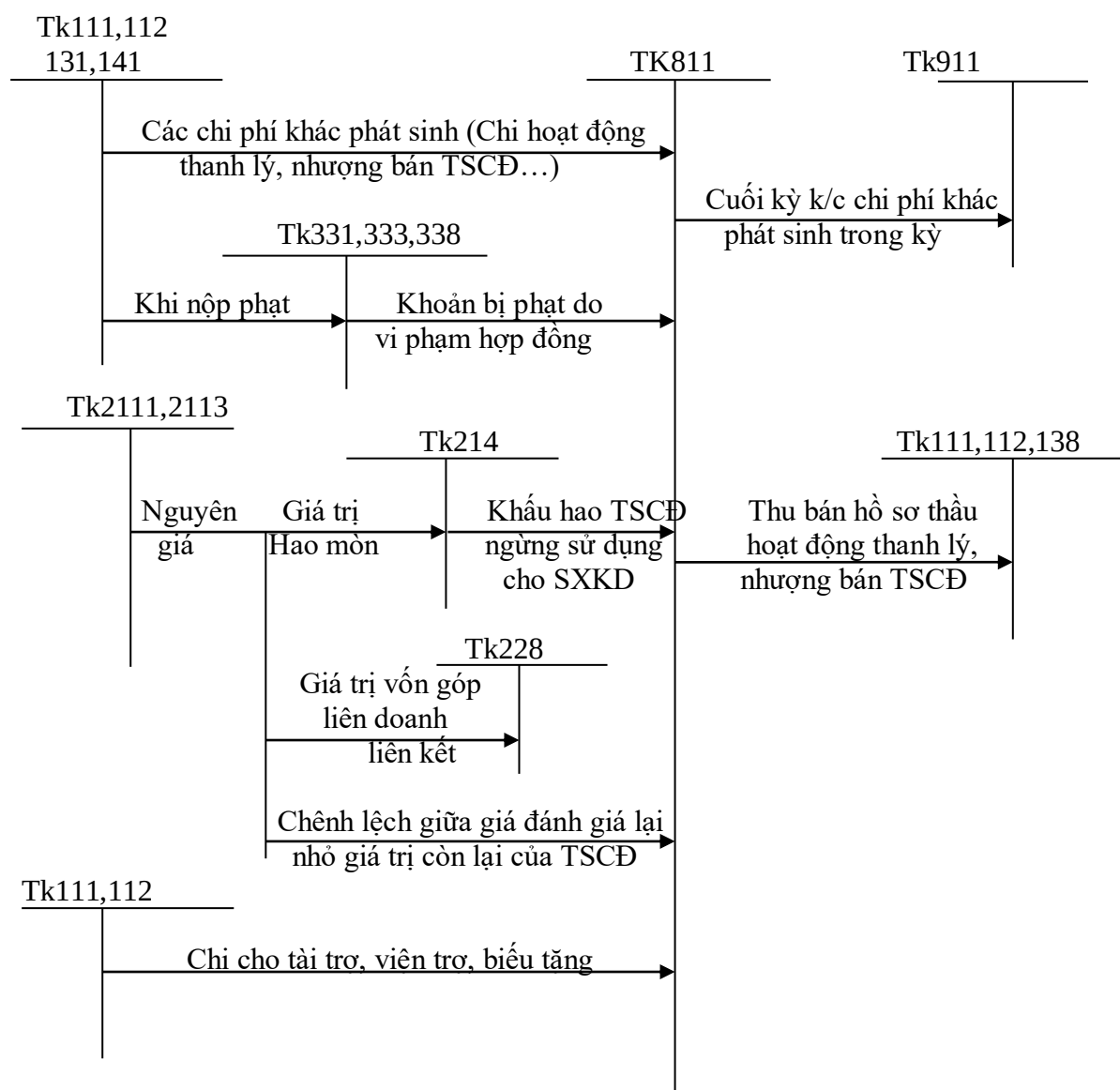
**Bên Có:**

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911

Tài khoản này không có số dư.

**a) Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí khác thể hiện qua sơ đồ 1.12 như sau:



**Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác**

**1.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

\* *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Doanh thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động sản} & = & \text{bán hàng và} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{hàng} & - & \text{quản lý} \\ \text{xuất kinh} & & \text{cung cấp} & & \text{doanh thu} & & \text{bán} & & \text{kinh doanh} \\ \text{doanh} & & \text{dịch vụ} & & & & & & \end{array}$$

\* *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

$$\begin{array}{ccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt} & = & \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính} \\ \text{động tài chính} & & \end{array}$$

\* *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

\* *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{kế toán trước} & = & \text{hoạt động} & + & \text{động tài chính} & + & \text{khác} \\ \text{thuế} & & \text{SXKD} & & & & \end{array}$$

\* *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{toán trước thuế}} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

\* *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\begin{array}{ccc} \text{Lợi nhuận sau thuế} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} - \text{Thuế TNDN phải nộp} \\ \text{TNDN} & & \text{toán trước thuế} \end{array}$$

**\* Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán.

**\* Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”:** Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Kết cấu tài khoản 911 như sau:**

**Bên Nợ:** - Trị giá vốn sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ chi phí quản lý kinh doanh

- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- Kết chuyển lãi sau thuế.

**Bên Có:**

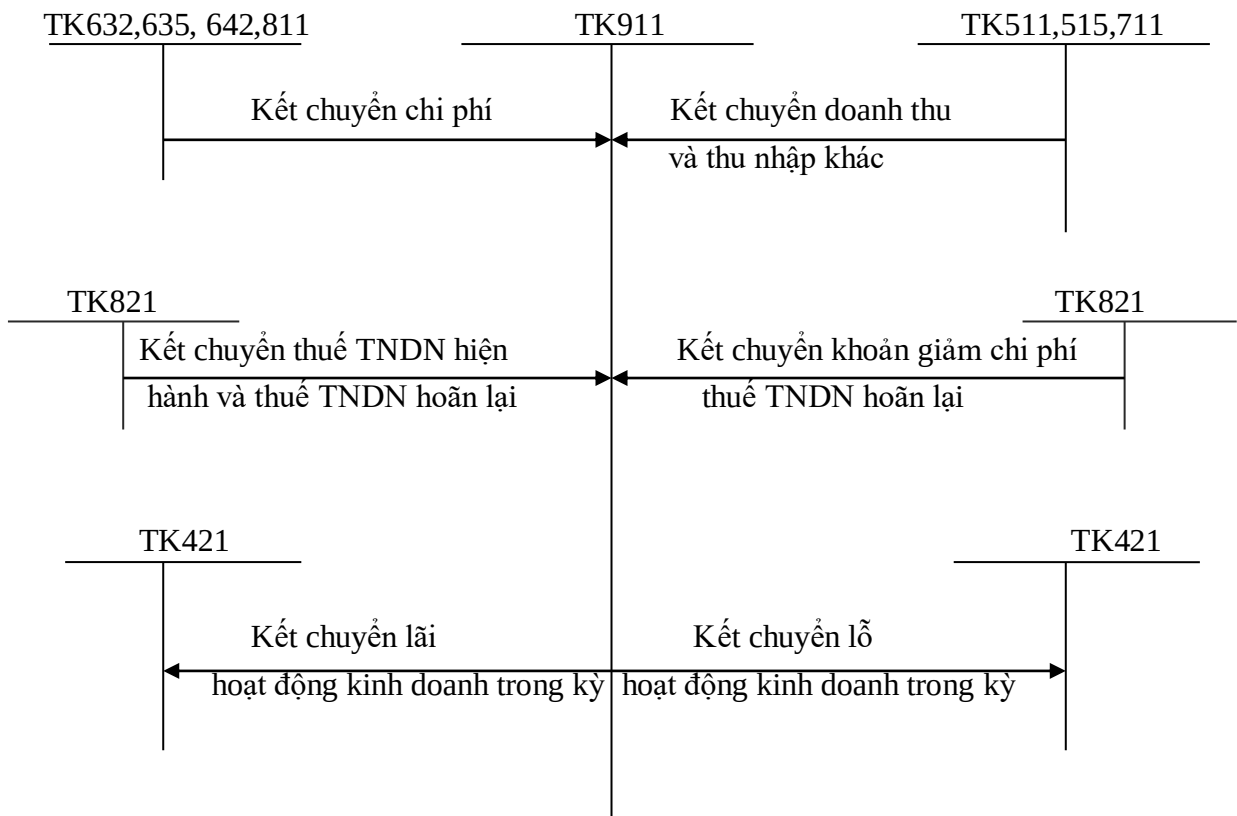
- Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, lao vụ dịch vụ hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư.

**\*Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.13 như sau:



**Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

#### **\* TK821 - Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của Doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của Doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

##### **Bên Nợ:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.

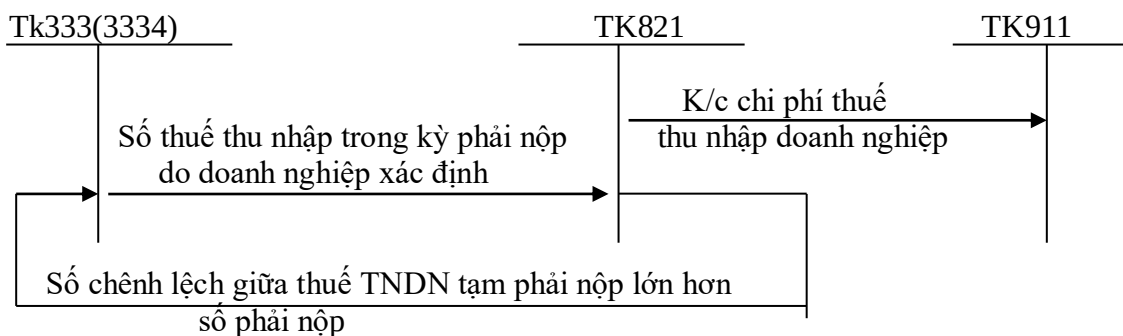
##### **Bên Có:**

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
  - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
  - Kết chuyển CP thuế TNDN sang TK 911 “Xác định KQKD”
- TK 821 không có số dư.

#### **\*Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí thuế TNDN thể hiện qua sơ đồ 1.14:





**Sơ đồ 1.14 : Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN**

### \* TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia LN hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của Doanh nghiệp
- Chi cổ tức lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

#### Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- *Số dư bên Nợ:* Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- *Số dư bên Có:* Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

### Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước:
- + Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

### **1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **\*Các hình thức kế toán**

Công tác kế toán ở các đơn vị bao giờ cũng xuất phát từ chứng từ gốc và kết thúc bằng hệ thống báo cáo kế toán thông qua quá trình ghi chép, theo dõi, tính toán và xử lý số liệu trong hệ thống sổ kế toán. Việc quy định phải mở những loại sổ kế toán nào để phản ánh các đối tượng của kế toán, kết cấu của từng loại sổ, trình tự; phương pháp ghi sổ và mối quan hệ giữa các loại sổ nhằm đảm bảo vai trò, chức năng và nhiệm vụ của kế toán được gọi là hình thức kế toán.

Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

Theo TT 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26/8/2016, doanh nghiệp có 4 hình thức kế toán sau, doanh nghiệp có thể áp dụng 1 trong 4 hình thức sau:

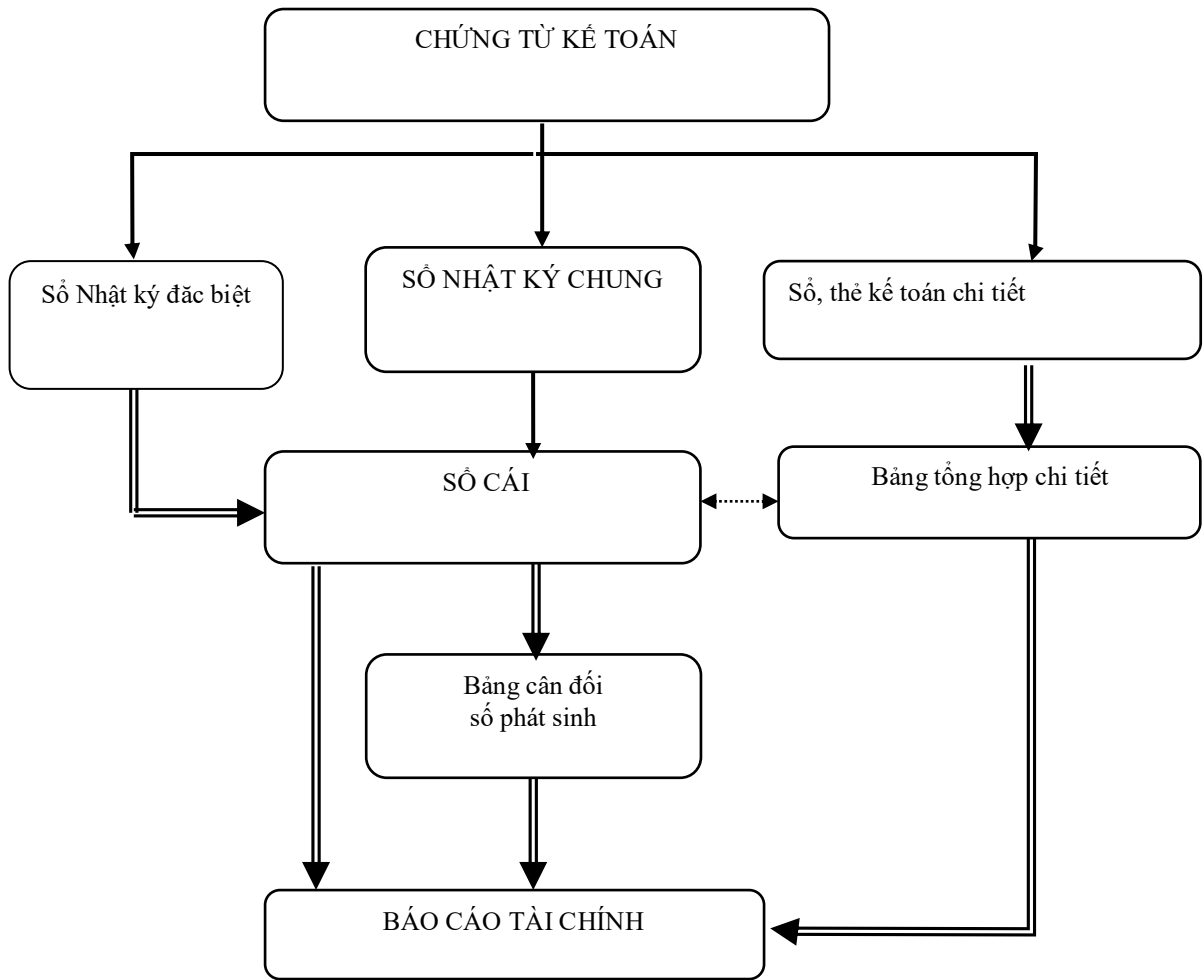
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

#### ***1.4.1. Ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung***

*Đặc trưng:*

- Ghi sổ theo hình thức kế toán nhật ký chung tức là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được ghi nhận vào sổ nhật ký chung dựa trên các chứng từ kế toán: hóa đơn phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho... Dựa vào những số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để vào sổ cái cho từng đối tượng kế toán theo trình tự thời gian.

- Điều kiện áp dụng: Áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ có quy mô vừa và nhỏ.



**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →  
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>  
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

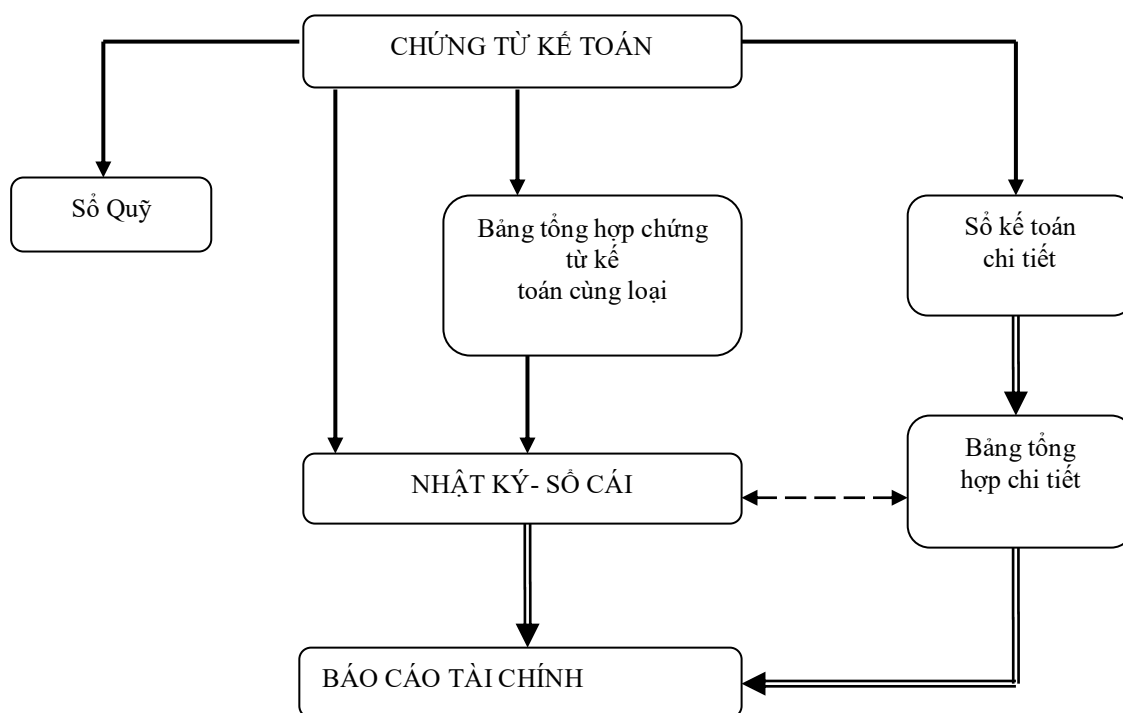
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

### 1.4.2 Hình thức nhật kí- sổ cái

#### Đặc trưng

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên các chứng từ kế toán đều được ghi vào sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật kí sổ cái theo trình tự thời gian, ngoài các chứng từ kế toán, kế toán có thể dựa vào những số liệu đã được ghi nhận trên bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại để ghi vào nhật kí sổ cái
- Điều kiện áp dụng: chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, chỉ áp dụng ít tài khoản kế toán khi hạch toán.



**Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :   
 Ghi cuối tháng :   
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : 

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ xác định tài khoản ghi nợ, ghi có để ghi vào nhật ký sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên 1 dòng ở cả 2 phần nhật ký và sổ cái. Chứng từ kế toán sau khi đã ghi sổ nhật ký sổ cái được sử dụng để ghi sổ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng căn cứ số liệu trên các sổ kế toán chi tiết khóa sổ để lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản, sau đó đối chiếu số liệu giữa phần nhật ký với

phần sổ cái trên sổ nhật ký sổ cái, giữa bảng tổng hợp chi tiết từng tài khoản với tài khoản tổng hợp tương ứng trên sổ nhật ký sổ cái. Số liệu trên nhật ký sổ cái và trên bản tổng hợp chi tiết sau khi đã kiểm tra đối chiếu đảm bảo khớp đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

### **1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ**

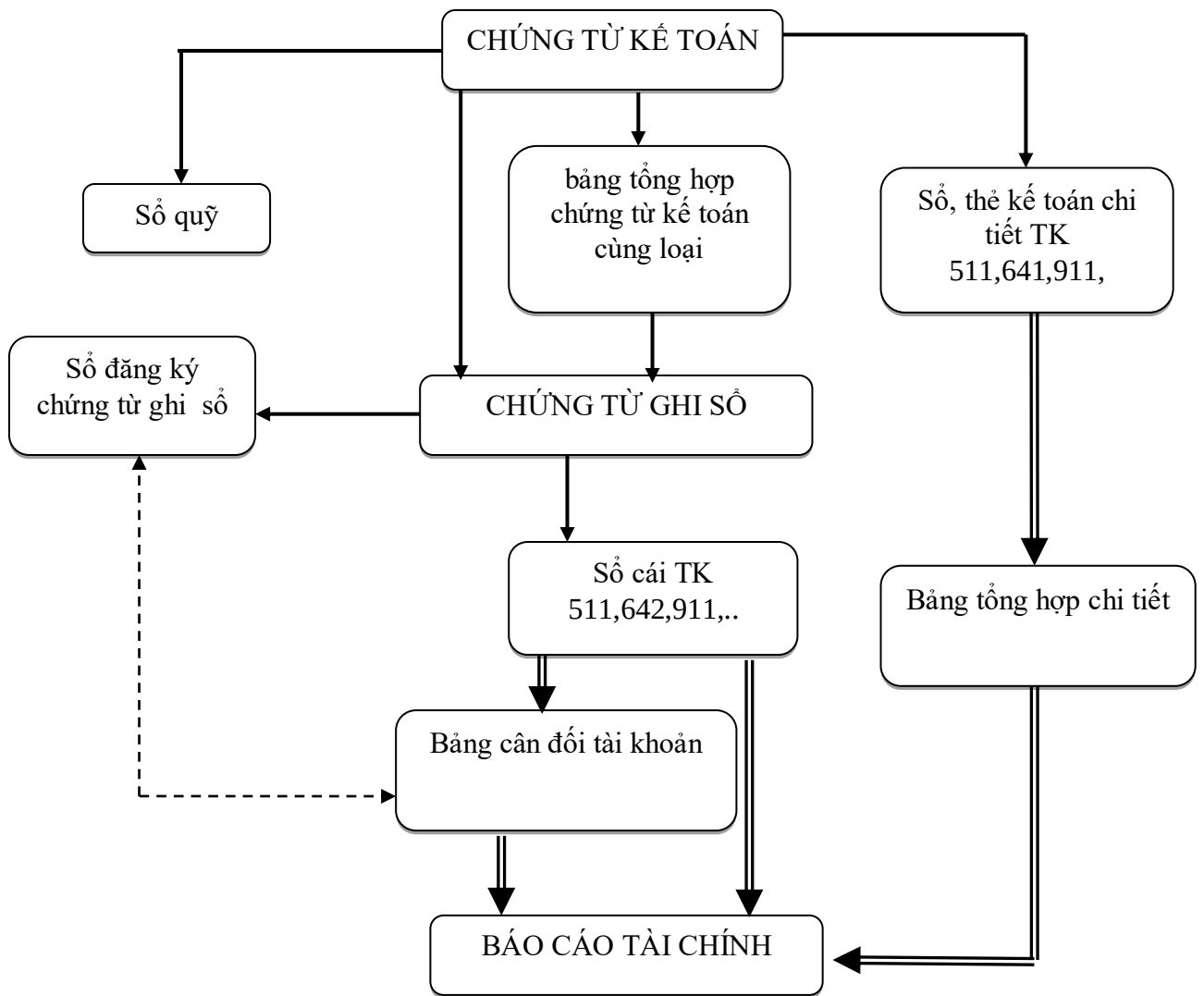
#### *Đặc trưng*

- Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:
  - + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
  - + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm và phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ là căn cứ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó dùng để ghi vào sổ cái. Chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán sau khi lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, kế toán phải khóa sổ, tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, và sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng CĐSPS. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bản tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trình tự hạch toán theo hình thức chứng từ ghi sổ:



Ghi chú: Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

#### 1.4.4. Phần mềm kế toán trên máy tính

##### Đặc trưng

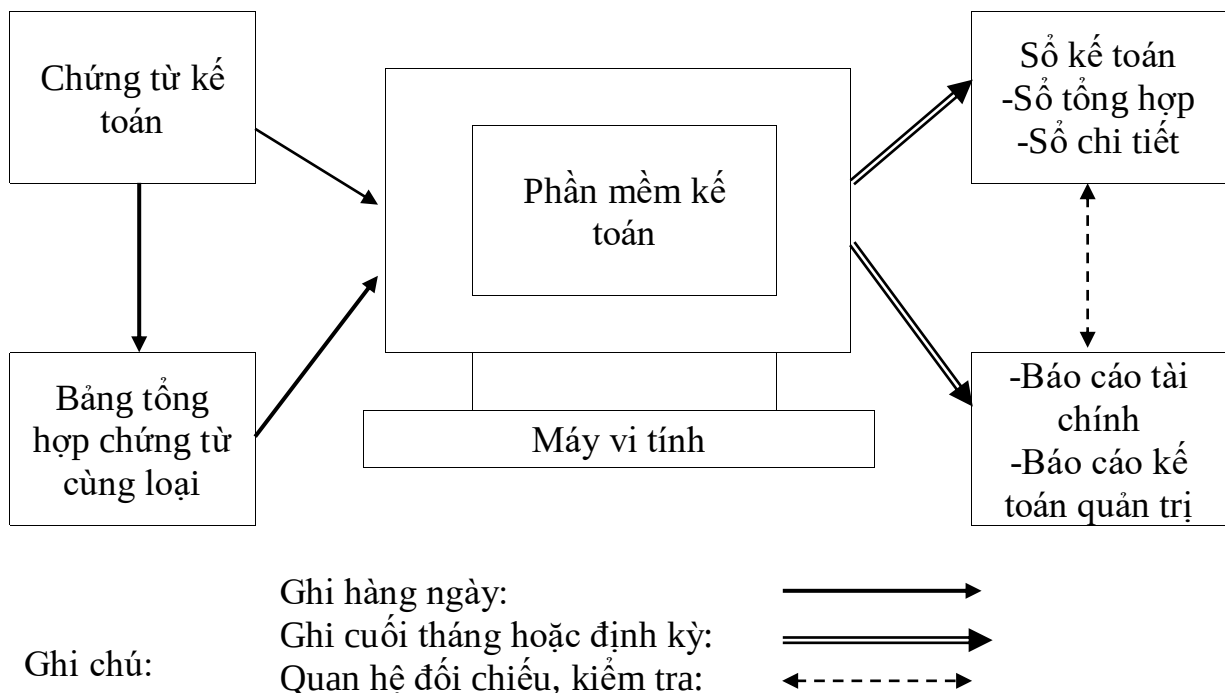
- Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự hạch toán theo hình thức phần mềm kế toán trên máy vi tính:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với BCTC sau khi đã in ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



**Sơ đồ 1.18: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**

## **CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI VIỆT PHONG.**

### **2.1. Một số nét khái quát về Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.**

- Công ty được thành lập năm 2012 với tên gọi là : **Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.**
- Tên tiếng anh: Viet Phong Equipment and Spare Parts Joint StockCompany
- Tên viết tắt : VPMAX
- Mã số thuế: 0201270285
- Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng
- Tell: (031)3556459
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần
- Giám đốc : Nguyễn An Chung
- Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong là một doanh nghiệp tư nhân, hạch toán kinh tế độc lập. Công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và là đối tượng điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp Nhà Nước. Công ty hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0201270285 được cấp ngày 05/07/2012.

#### **\*Các mốc quan trọng trong quá trình phát triển**

- Năm 2012 công ty thành lập đặt trụ sở tại: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng.
- Năm 2013, Công ty bước vào hoạt động ổn định, bắt đầu có lợi nhuận.
- Năm 2014, công ty phát triển ổn định, đang trên đà thu hồi vốn, lợi nhuận tăng nhiều so với năm trước.

#### **2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của công ty**

- Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải : chuyên chở hàng hóa trong và ngoài địa bàn thành phố Hải Phòng. Khách hàng của Công ty rất đa dạng bao gồm các cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu vận chuyển. Và có 10% là kinh doanh thiết bị phụ tùng.



### 2.1.3. Chức năng nhiệm vụ của công ty

Chức năng của Công ty bao gồm tổ chức quy trình của các nghiệp vụ kinh doanh vận tải và kinh doanh thiết bị phụ tùng.

Nhiệm vụ của công ty :

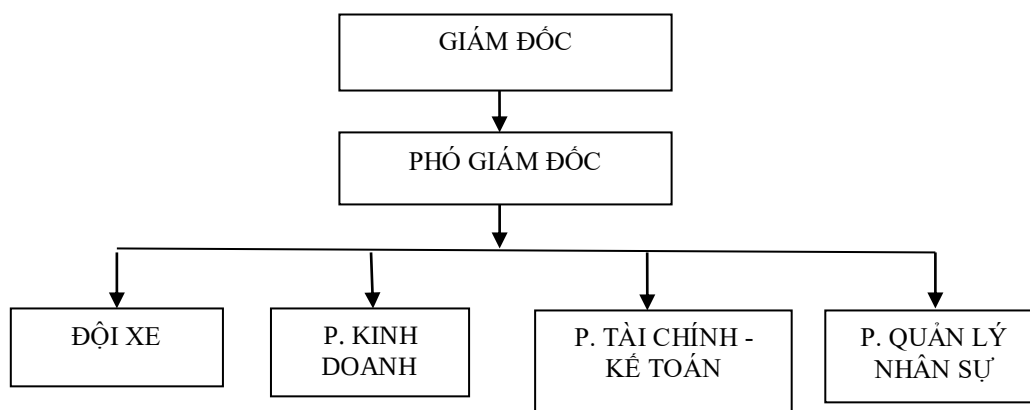
- Lạm quyền thừa kế kinh doanh vận tải theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh trên cơ sở tuân thủ pháp luật.
- Tổ lập và quản lý vận tải đường bộ hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

### 2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý

#### a) Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý

Tổ chức công tác quản lý đối với bất kỳ Công ty nào cũng rất cần thiết và không thể thiếu, nó đảm bảo quá trình giám sát chặt chẽ về mọi mặt của Công ty.

Để thực hiện tốt chức năng quản lý thì mỗi Công ty cần phải có một bộ máy tổ chức quản lý phù hợp. Đối với Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong cũng vậy, là một công ty nhỏ nên bộ máy tổ chức quản lý hết sức đơn giản, gọn nhẹ phù hợp với mô hình và tính chất kinh doanh của Công ty. Sau đây là bộ máy quản lý của Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.



**Sơ đồ 2.1. Bộ máy quản lý của Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

*Nhận xét:* Qua mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cho thấy đó là hình thức tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng. Ưu điểm của nó là thay vì toàn bộ công việc đều đến tay Giám đốc thì, Phó giám đốc giải quyết,

chịu trách nhiệm đối với công việc được giao thì nay được chia sẻ bớt cho các phòng ban chức năng gánh vác và chịu trách nhiệm đối với công việc được giao vì thế sẽ hạn chế được những quyết định sai lầm, gây thiệt hại, rủi ro cho Công ty. Mặt khác, việc chia bớt quyền lực cho những người đứng đầu các phòng ban để tạo cho họ sự hưng phấn vào việc hoàn thành tốt những nghị quyết, mục tiêu đề ra. Khi công việc không thực hiện tốt thì cũng dễ dàng quy trách nhiệm tránh tình trạng đổ lỗi cho nhau và nhanh chóng tìm ra được nguyên nhân để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên mô hình này cũng có những hạn chế đó là khi có sự hiểu sai ý của cấp trên nên cấp dưới thực hiện không đúng như mong muốn gây hậu quả nhiều khi rất khó lường trước được vì thế đòi hỏi các bộ phận phải thực sự có trình độ và chuyên môn cao.

b) Các chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

\* **Giám đốc:** là người lãnh đạo và quản lý tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong Công ty.

\* **Phó giám đốc:** Là cấp dưới của Giám đốc cũng thực hiện nhiệm vụ tương đối quan trọng dưới sự chỉ đạo của Giám đốc. Khi Giám đốc đi vắng, Phó giám đốc có nhiệm vụ giúp giám đốc điều hành công việc trong Công ty.

\* **Phòng quản lý nhân sự :** Có chức năng động viên khích lệ toàn bộ cán bộ công nhân viên đoàn kết, hăng hái say sưa lao động, hoàn thành tốt mọi chức năng nhiệm vụ được giao, có nhiệm vụ quản lý hồ sơ, lý lịch của cán bộ nhân viên theo phân cấp đúng quy định, tham mưu làm thủ tục tiếp nhận cán bộ công nhân viên, đi đến quản lý và giải quyết các mặt công tác trong công ty có liên quan đến công tác hành chính, quản lý văn thư, quản lý con dấu theo đúng chế độ quy định, chịu trách nhiệm an ninh, an toàn bên công ty.

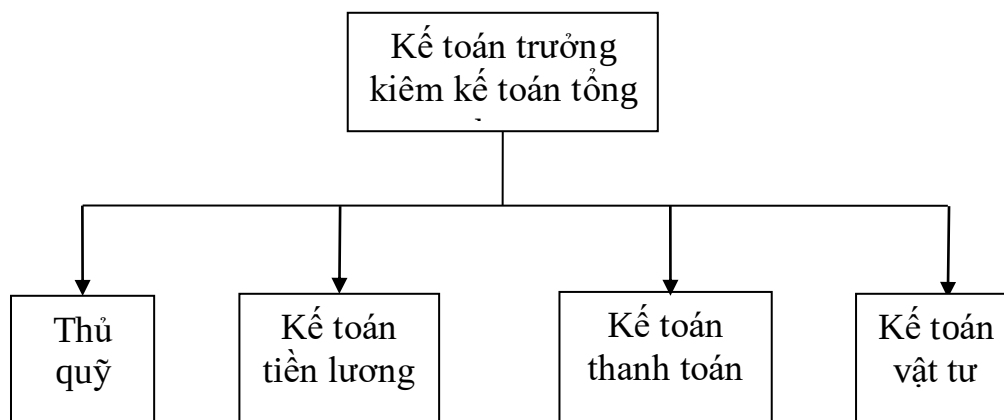
\* **Phòng kinh doanh:** là phòng tham mưu cho Ban giám đốc về kế hoạch kinh doanh, lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp nhất, điều hòa kế hoạch sản xuất chung của công ty thích ứng với tình hình thực tế thị trường, nghiên cứu ký kết hợp đồng với các đối tác. Có nhiệm vụ lập kế hoạch vật tư thiết bị theo dõi và hướng dẫn đội ngũ lái xe thực hiện các quy định của công ty.

\* **Phòng tài chính - kế toán:** Có nhiệm vụ tổ chức, theo dõi, hạch toán mọi hoạt động kinh tế tài chính diễn ra trong Công ty theo chế độ kế toán quy định, lập kế hoạch tài chính và sổ sách của Công ty và dự trù ngân sách hàng năm, theo dõi thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty, thực hiện huy động mọi nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy hoạt động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Đồng thời cung cấp thông tin tài chính cho các phòng ban có liên quan.

### 2.1.5. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

#### 2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán có chức năng tổ chức bộ máy kế toán, thống kê, ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán thống kê, theo dõi công nợ, xuất nhập tồn hàng hóa. Bên cạnh đó, phòng phải tổ chức bảo quản, lưu trữ, thống kê, giữ bí mật các tài liệu kế toán, tổ chức hướng dẫn thi hành các chế độ tài chính kế toán của Nhà Nước.



**Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

❖ **Nhiệm vụ và chức năng:**

– **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp :** có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, làm tham mưu cho tổng giám đốc về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kiểm tra kế toán nội bộ trong công ty. Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu ghi trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn

các báo cáo tài chính theo quy định. Là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp nên kế toán trưởng theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho sản phẩm và giá trị. Tính doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu và tính các khoản phải thu, phải trả nhà cung cấp và khách hàng của Công ty.

– **Kế toán viên:** Tính toán tổng hợp và phân bổ số liệu kế toán phục vụ cho các phân hành, phần việc kế toán mình phụ trách.

- *Kế toán tiền lương:* thực hiện tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp cho toàn thể nhân viên trong công ty, đồng thời kiêm phụ trách lập các báo cáo thống kê theo quy định.

- *Kế toán thanh toán:* có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.

- *Kế toán vật tư:* theo dõi, quản lý, và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nhập-xuất-tồn hàng hóa, công cụ dụng cụ phục vụ cho kinh doanh theo lệnh của Tổng Giám đốc Công ty.

– **Thủ quỹ :** quản lý tiền mặt của công ty, thu và chi tiền mặt khi có lệnh. Hàng tháng phải kiểm kê số tiền thu hiện thu và chi đối chiếu với sổ sách các bộ phận có liên quan.

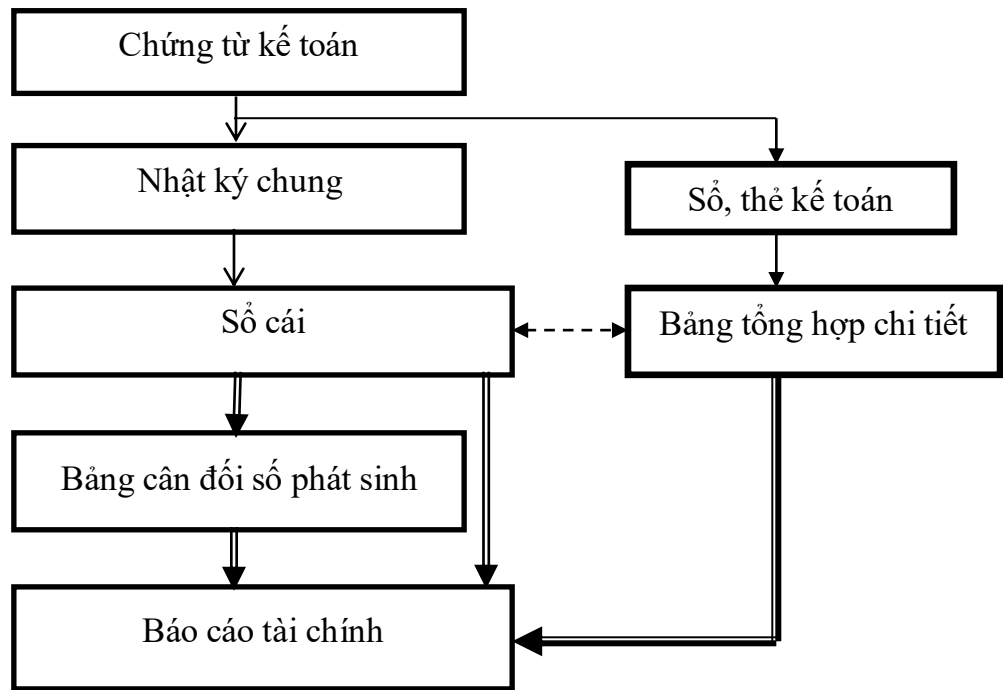
#### **2.1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán tại công ty**

Công ty tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### **2.1.5.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty**

##### **\*Chính sách kế toán**

- Công ty áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC, ngày 26/08/2016 của BTC
- Kỳ kế toán: bắt đầu từ 01/01/N và kết thúc ngày 31/12/N dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Bình quân gia quyền cả kì
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

**Sơ đồ 2.3 – Hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

• *Trình tự ghi sổ kế toán như sau:*

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Lập báo cáo tài chính.

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.**

#### **\* Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu chủ yếu của công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong là doanh thu từ cung cấp các dịch vụ vận tải và kinh doanh thiết bị phụ tùng (xăm, lốp, ...)

- Phương thức thanh toán:

+ Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

\* Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.

Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.

Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

\* Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu. Cuối tháng, kế toán xác định giá vốn.

+ Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

#### **\* Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Một số chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa

+Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

+Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+Tài khoản 5118: Doanh thu khác

+ Các tài khoản liên quan khác như: TK 3331, TK 156, TK 911

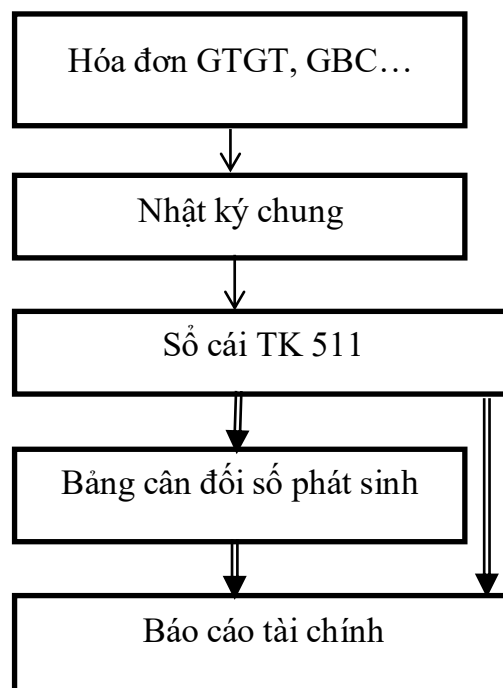
**\*Sổ sách sử dụng**

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**\*Quy trình hạch toán:**

Hằng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT, GBC...kế toán nhập số liệu vào sổ sách như sổ cái TK 511, 111, 112... cuối quý kế toán thực hiện khóa sổ để lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm căn cứ vào sổ cái và bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ**

**Ghi chú:**

Ghi hằng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ  $\Longrightarrow$

**Hạch toán thực tế**

**Ví dụ 1 :** Ngày 10/10/2017, Công ty xuất 3 lớp casumina 295/75 R22.5 16PR GS 852 bán cho công ty cổ phần sông Hồng, giá bán chưa thuế 17.420.091đ, bên mua nhận hàng thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 112: 19.162.100

Có TK 511: 17.420.091

Có TK 33311: 1.742.009

- Kế toán lập HĐ GTGT số 003152 (Biểu số 2.1) và giao Liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.
- Công ty Cổ phần sông Hồng chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 10/10/2017 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (biểu số 2.2) thông báo về số tiền đã nhận được.
- Căn cứ vào HĐ GTGT số 003152, giấy báo có kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)
- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.7)

**Ví dụ 2:** Ngày 15/10/2017 xuất 5 Lớp LanDy 1100R20 DD328 bán cho Công ty cổ phần V & T với số tiền 27.600.000 đồng ( chưa bao gồm 10% thuế VAT). Khách hàng chưa thanh toán. Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 131: 30.360.000

Có TK 511: 27.600.000

Có TK 3331: 2.760.000

- Kế toán tiến hành lập HĐ GTGT 003178 (biểu số 2.3) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.
- Công ty cổ phần V & T chưa thanh toán. Từ HĐ GTGT 003178 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4)
- Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2.5)



**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT 003152****(Nguồn: Phòng kế toán công ty Thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong)**

| <b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b><br>Liên 3: Nội bộ<br>Ngày 10 tháng 10 năm 2017                                                                                                                                                                                                                                                      |                                    |                                             |                               | Mẫu số: 01GTKT3/001<br>Ký hiệu: AA/16P<br>Số: 0003152     |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------|
| Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI VIỆT PHONG</b><br>Mã số thuế: 0201270285<br>Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng<br>Điện thoại: <b>031 3555256</b> Fax: <b>031 3555257</b><br>Số tài khoản: 001-00-00058155-5      Tại: NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |                                    |                                             |                               |                                                           |            |
| Họ tên người mua hàng:<br>Tên đơn vị: <b>Công ty cổ phần sông Hồng</b><br>Mã số thuế: 0203000631<br>Địa chỉ: số 23/122 Đình Đông, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.<br>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.                                                                                                                         |                                    |                                             |                               |                                                           |            |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tên hàng hóa, dịch vụ              | ĐVT                                         | Số lượng                      | Đơn giá                                                   | Thành tiền |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2                                  | 3                                           | 4                             | 5                                                         | 6          |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xuất lớp cho cty cổ phần sông Hồng | cái                                         | 3                             | 5.806.697                                                 | 17.420.091 |
| Cộng tiền hàng: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                    |                                             |                               |                                                           | 17.420.091 |
| Thuế suất GTGT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                    | 10%                                         | Tiền thuế GTGT:.....1.742.009 |                                                           |            |
| Tổng cộng tiền hàng:.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                    |                                             |                               |                                                           | 19.162.100 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu một trăm sáu mươi hai nghìn một trăm đồng./                                                                                                                                                                                                                                                  |                                    |                                             |                               |                                                           |            |
| <b>Người mua hàng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                    | <b>Người bán hàng</b><br>(Ký ghi rõ họ tên) |                               | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |            |

**Biểu số 2.2 – GBC10/10– Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng****( Nguồn: Phòng kế toán công ty thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong)****GIẤY BẢO CỐ**

Trang 1/1

Ngày 10 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: CTY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ  
VẬN TẢI VIỆT PHONGĐịa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường  
Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Giấy phép kinh doanh: 0201270285

Mã số thuế: 0201270285

G – Account: 10062918

Số tài khoản: 001-00-00058155-5

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: VND-TGTT-CT CP  
TBCP VT VIET PHONG

Số bút toán hạch toán:

FT1634191167\BNK

VPBank xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung             | Số tiền              |
|----------------------|----------------------|
| CITAD inward Payment | 19.162.100,00        |
| <b>Tổng số tiền</b>  | <b>19.162.100,00</b> |

Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu một trăm sáu mươi hai nghìn một trăm đồng./

Diễn giải: CTY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG THANH TOÁN TIỀN NỢ.

**Lập phiếu****Kiểm soát****Kế toán trưởng**

**Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 003178**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

| <b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b><br>Liên 3: Nội bộ<br>Ngày 15 tháng 10 năm 2017                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                 |                                             | Mẫu số: 01GTKT3/001<br>Ký hiệu: AA/16P<br>Số: 0003278 |                                                           |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------|
| Đơn vị bán hàng: <b>Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong</b><br>Mã số thuế: 0201270285<br>Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng<br>Điện thoại: <b>031 3555256</b> Fax: <b>031 3555257</b><br>Số tài khoản: 001-00-00058155-5      Tại: NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |                                                 |                                             |                                                       |                                                           |            |
| Họ tên người mua hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN V &amp; T</b><br>Mã số thuế: 0200657917<br>Địa chỉ: Số 39/23 Đoạn Xá, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng<br>Điện thoại: <b>031 3217777</b><br>Tên đơn vị: Hình thức thanh toán: Chuyển khoản                                                                             |                                                 |                                             |                                                       |                                                           |            |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tên hàng hóa, dịch vụ                           | ĐVT                                         | Số lượng                                              | Đơn giá                                                   | Thành tiền |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2                                               | 3                                           | 4                                                     | 5                                                         | 6          |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xuất lớp LanDy<br>1100R20 DD328 cho<br>Cty V &T | cái                                         | 12                                                    | 2.300.000                                                 | 27.600.000 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                 |                                             |                                                       |                                                           |            |
| Cộng tiền hàng: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                 |                                             |                                                       |                                                           | 27.600.000 |
| Thuế suất GTGT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                 | 10%                                         | Tiền thuế GTGT:.....                                  |                                                           | 2.760.000  |
| Tổng cộng tiền hàng:.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                 |                                             |                                                       |                                                           | 30.360.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                 |                                             |                                                       |                                                           |            |
| <b>Người mua hàng</b><br>( Ký, ghi rõ họ tên)                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                 | <b>Người bán hàng</b><br>(Ký ghi rõ họ tên) |                                                       | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |            |

**Biểu số 2.4: Sổ nhật ký chung (trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

| Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong<br>Địa chỉ: 762 đường bao Trần Hưng Đạo, P Đông Hải 1, Q Hải An, Thành phố Hải Phòng |          |       |                                                                          | <b>Mẫu số S03a- DNN</b><br>(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính) |                        |                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>NHẬT KÝ CHUNG</b><br><b>( Năm 2017)</b>                                                                                                   |          |       |                                                                          |                                                                                                      |                        |                        |
| NT<br>ghi sổ                                                                                                                                 | Chứng từ |       | Diễn giải                                                                | TKĐƯ                                                                                                 | Số phát sinh           |                        |
|                                                                                                                                              | SH       | NT    |                                                                          |                                                                                                      | Nợ                     | Có                     |
|                                                                                                                                              |          |       | <b>Số trang trước chuyển sang</b>                                        |                                                                                                      |                        |                        |
| ...                                                                                                                                          | ...      | ...   | ...                                                                      | ...                                                                                                  | ...                    | ...                    |
| 09/10                                                                                                                                        | HĐ3101   | 09/10 | Mua somi romooc 15R - 12988                                              | 211                                                                                                  | 172.727.273            |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 133                                                                                                  | 17.272.727             |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 331                                                                                                  |                        | 190.000.000            |
| 10/10                                                                                                                                        | HĐ3152   | 10/10 | Xuất lớp casumina 295/75 R22.5 16PR GS 852 bán cho cty cổ phần sông Hồng | 112                                                                                                  | 19.162.100             |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 511                                                                                                  |                        | 17.420.091             |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 3331                                                                                                 |                        | 1.742.009              |
| 10/10                                                                                                                                        | UNC1314  | 10/10 | Thanh toán cước biển bill HACHPH tàu Hải An                              | 331                                                                                                  | 7.400.000              |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 112                                                                                                  |                        | 7.400.000              |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                                                    | .....                                                                                                | .....                  | .....                  |
| 15/10                                                                                                                                        | HĐ3178   | 15/10 | Xuất lớp LanDy 1100R20 DD328 bán cho tcy V&T                             | 131                                                                                                  | 30.360.000             |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 511                                                                                                  |                        | 27.600.000             |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 3331                                                                                                 |                        | 2.760.000              |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                                                    | .....                                                                                                | .....                  | .....                  |
|                                                                                                                                              |          |       | <b>Tổng cộng</b>                                                         |                                                                                                      | <b>219.831.695.621</b> | <b>219.831.695.621</b> |

Đơn vị tính:VNĐ

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....  
 - Ngày mở sổ: .....

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511 (trích)**  
**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông  
Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**  
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài  
Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Số hiệu TK: 511**

**(Năm 2017)**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>Ghi<br>Số | Chứng từ |       | Diễn giải                                                                         | SH<br>TK<br>ĐƯ | Số tiền               |                       |
|-----------------|----------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
|                 | SH       | NT    |                                                                                   |                | Nợ                    | Có                    |
|                 |          |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>                                                        |                |                       |                       |
| ...             | ...      | ...   | .....                                                                             | ....           | .....                 | .....                 |
| 03/10           |          |       |                                                                                   |                |                       |                       |
| 09/10           | PX784    | 09/10 | Xuất lớp Ô tô R22.5/75<br>cho cty Mai Vũ                                          | 131            |                       | 30.000.000            |
| 10/10           | PX791    | 10/10 | Xuất Ấc quy GS 85D 26L<br>cho cty cổ phần sông<br>Hồng                            | 131            |                       | 14.545.545            |
| 10/10           | HĐ3152   | 10/10 | Xuất lớp casumina 295/75<br>R22.5 16PR GS 852 bán<br>cho cty cổ phần sông<br>Hồng | 112            |                       | 17.420.091            |
| 15/10           | HĐ3178   | 15/10 | Xuất lớp LanDy 1100R20<br>DD328 cho tcy V&T                                       | 131            |                       | 27.600.000            |
| .....           | .....    | ..... | .....                                                                             | ...            | .....                 | .....                 |
| 31/12           | PKT      | 31/12 | Kết chuyển doanh thu bán<br>hang và cung cấp dịch vụ                              | 911            | 37.919.339.207        |                       |
|                 |          |       | <b>Cộng số phát sinh</b>                                                          |                | <b>37.919.339.207</b> | <b>37.919.339.207</b> |
|                 |          |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>                                                       |                |                       |                       |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017  
**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.6 Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Trích)****( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Đơn vị: Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Mẫu số: S12- DNN

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng.

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tên TK : Phải thu khách hàng  
 Đối tượng : Công ty cổ phần V & T  
 Năm 2017

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>GS | Chứng từ |        | Diễn giải                                | TK<br>ĐU | Số phát sinh         |                      | Số dư                     |       |
|----------|----------|--------|------------------------------------------|----------|----------------------|----------------------|---------------------------|-------|
|          | SH       | NT     |                                          |          | Nợ                   | Có                   | Nợ                        | Có    |
|          |          |        | <b>Số dư đầu kỳ</b>                      |          |                      |                      | <b><u>323.578.682</u></b> |       |
|          |          |        | Số phát sinh trong kỳ                    |          |                      |                      |                           |       |
| .....    | .....    | .....  | .....                                    | .....    | .....                | .....                | .....                     | ..... |
| 15/10    | HĐ 3178  | 15/10  | Xuất lớp LanDy 1100R20 DD328 cho Cty V&T | 511      | 27.600.000           |                      | 317.411.936               |       |
|          |          |        |                                          | 3331     | 2.760.000            |                      | 345.011.936               |       |
| ...      | ....     | ....   | .....                                    | .....    | .....                | .....                | .....                     | ..... |
| 27/ 12   | GBC504   | 27/ 12 | Thanh toán tiền bằng chuyển khoản        | 112      |                      | 496.500.000          | 281.523.419               |       |
|          |          |        | <b>Cộng số phát sinh</b>                 |          | <b>1.354.444.737</b> | <b>1.396.500.000</b> |                           |       |
|          |          |        | <b>Số dư cuối kỳ</b>                     |          |                      |                      | <b><u>281.523.419</u></b> |       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Kế toán ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.7 : Trích bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua****( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Đơn vị: Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải

Phòng.

Mẫu số: S12- DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản : 131

Năm 2017

**Đơn vị tính: VNĐ**

| STT  | Tên khách hàng          | Số dư đầu kỳ         |    | SPS trong kỳ          |                       | Số dư cuối kỳ        |    |
|------|-------------------------|----------------------|----|-----------------------|-----------------------|----------------------|----|
|      |                         | Nợ                   | Có | Nợ                    | Có                    | Nợ                   | Có |
| 1    | Công ty cổ phần V & T   | 323.578.682          |    | 1.354.444.737         | 1.396.500.000         | 281.523.419          |    |
| 2    | Công ty cổ phần Mai Vũ  | 538.611.747          |    | 2.435.124.962         | 2.441.131.410         | 532.605.299          |    |
| 3    | Công ty TNHH Toàn Thắng | 217.495.326          |    | 838.611.747           | 816.850.000           | 239.257.073          |    |
| .... | ....                    | ....                 |    | ....                  | ....                  | ....                 |    |
|      | <b>Tổng</b>             | <b>7.073.933.926</b> |    | <b>31.564.755.190</b> | <b>28.945.202.260</b> | <b>9.693.486.856</b> |    |

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.8: Sổ cái 131 (Trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường  
Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**  
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài  
Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Phải thu khách hàng**

**Số hiệu TK: 131**

**Năm 2017**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>ghi sổ | Chứng từ   |       | Diễn giải                                   | SHTK<br>ĐƯ | Số tiền                     |                       |
|--------------|------------|-------|---------------------------------------------|------------|-----------------------------|-----------------------|
|              | SH         | NT    |                                             |            | Nợ                          | Có                    |
|              |            |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>                  |            | <b><u>7.073.933.926</u></b> |                       |
| .....        | .....      | ...   | .....                                       | .....      | .....                       | .....                 |
| 15/10        | HĐ<br>3165 | 15/10 | Xuất lớp LanDy 1100R20<br>DD328 cho tcy V&T | 511        | 27.600.000                  |                       |
|              |            |       |                                             | 3331       | 2.760.000                   |                       |
| .....        | ...        | ...   | .....                                       | ...        | .....                       | .....                 |
| 19/10        | HĐ31<br>78 | 19/10 | Xuất lớp Ô tô R22.5/75 cho<br>cty Mai Vũ    | 511        | 264.450.000                 |                       |
|              |            |       |                                             | 3331       | 26.450.000                  |                       |
| .....        | ...        | ...   | .....                                       | ...        | .....                       | .....                 |
|              |            |       | <b>Cộng số phát sinh</b>                    |            | <b>31.564.755.190</b>       | <b>28.945.202.260</b> |
|              |            |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>                 |            | <b><u>9.693.486.856</u></b> |                       |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)



## 2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

### 2.2.2.1. Kế toán chi phí giá vốn hàng bán

**\*Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

**\*Tài khoản sử dụng**

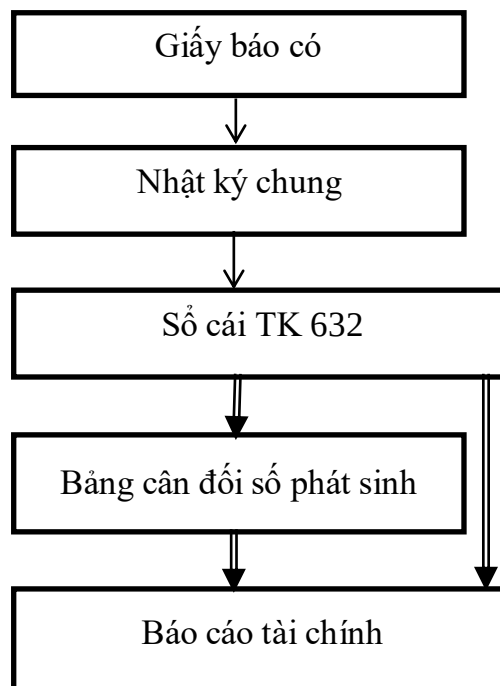
TK 632: “ Giá vốn hàng bán ”

**\*Sổ sách sử dụng:**

- + Sổ nhật kí chung
- + Sổ cái tài khoản 632

**\*Quy trình hạch toán**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như hóa đơn giá trị gia tăng, các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa, kế toán ghi chép vào các sổ kế toán.



**Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại công ty thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

**Ghi chú:**

Ghi hằng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ:  $\Longrightarrow$

**Hạch toán thực tế:**

**Ví dụ 3: (Tiếp VD1) Ngày 31/10/2017, Công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho cho mặt hàng lớp casumina 295/75 R22.5 16PR GS 852.**

**Đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:**

- Tồn đầu kỳ tháng 10: 2 cái, đơn giá 4.093.636 (đ/cái)
- \* Nhập trong kỳ:
  - Ngày 03/10 nhập mua với số lượng là 6 cái, đơn giá 3.983.636đ/cái.
  - Ngày 16/10 nhập mua với số lượng là 10 cái, đơn giá 3.983.636đ/cái.

$$\text{Đơn giá xuất kho tháng 10} = \frac{(2 \times 4.093.636 + 16 \times 3.983.636)}{2 + 16} = 3.995.860 \text{ đ/cái}$$

**Ví dụ 4: (Tiếp VD 2) Ngày 31/10/2017, Công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho cho mặt hàng Lớp LanDy 1100R20 DD328.**

**Đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:**

- Tồn đầu kỳ tháng 10 : 2 cái, đơn giá 4.544.545 (đ/cái)
- \* Nhập trong kỳ:
  - Ngày 02/10 nhập mua với số lượng là 10 cái, đơn giá 4.422.727 đ/cái.
  - Ngày 21/10 nhập mua với số lượng là 5 cái, đơn giá 4.422.727 đ/cái.

$$\text{Đơn giá xuất kho tháng 10} = \frac{(2 \times 4.544.545 + 15 \times 4.422.727)}{2 + 15} = 4.437.059 \text{ đ/cái}$$

- Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 1291 (**biểu số 2.10**) , số 1308 (**biểu số 2.11**),... kế toán lập bảng kê phiếu xuất kho (**biểu số 2.12**) Cuối kỳ khi tính toán được định giá hàng xuất kho, kế toán sẽ tính được tổng trị giá hàng xuất kho theo mỗi mặt hàng trên các bảng kê hàng xuất bán( **biểu số 2.12**). Từ đó lập phiếu kế toán (**biểu số 2.13**) và cập nhập số liệu vào sổ nhật ký chung (**biểu số 2.14**) và sổ cái TK 632 ( **biểu số 2.15**).

**Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho số 1291**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT  
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: PXK001291

**Ngày 10 tháng 10 năm 2017**

Nợ: 632

Có : 156

Họ và tên người nhận: Nguyễn Thị Hoa – Phòng kinh doanh

Lý do xuất: xuất bán cho công ty sông Hồng

Xuất tại kho: KHO CÔNG TY Địa điểm:

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số    | Đơn vị tính | Số lượng      |           | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|---------------|-----------|---------|------------|
|     |                                                                         |          |             | Theo chứng từ | Thực xuất |         |            |
| A   | B                                                                       | C        | D           | 1             | 2         | 3       | 4          |
| 1   | Lốp casumina 295/75 R22.5 16PR GS 852                                   | 852-22.5 | Cái         | 3             | 3         |         |            |
|     | <b>Cộng</b>                                                             |          |             | 3             | 3         |         |            |

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 10 tháng 10 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho số 1308**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT  
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

**Ngày 15 tháng 10 năm 2017**

Số: P XK001308

Nơ: 632

Có : 156

Họ và tên người nhận: Nguyễn Thị Hoa – Phòng kinh doanh

Lý do xuất: xuất bán cho công ty cổ phần V & T

Xuất tại kho: KHO CÔNG TY Địa điểm:

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng      |           | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------|-----------|---------|------------|
|     |                                                                         |       |             | Theo chứng từ | Thực nhập |         |            |
| A   | B                                                                       | C     | D           | 1             | 2         | 3       | 4          |
| 1   | Lốp LanDy 1100R20 DD328                                                 | DD328 | Cái         | 5             | 5         |         |            |
|     | <b>Cộng</b>                                                             |       |             | 5             | 5         |         |            |

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 15 tháng 10 năm 2017

Người lập  
phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu số 2.12 : Bảng kê phiếu xuất kho**

**BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO**

**Tháng 10 năm 2017**

**Loại sản phẩm: lớp casumina 295/75 R22.5 16PR GS 852**

| Phiếu xuất        |       | Diễn giải                       | lớp casumina 295/75<br>R22.5 16PR GS 852<br>(cái) |
|-------------------|-------|---------------------------------|---------------------------------------------------|
| SH                | NT    |                                 |                                                   |
| PXK001291         | 10/10 | Xuất bán cho CT CP<br>sông Hồng | 3                                                 |
| PXK001389         | 21/10 | Xuất bán cho<br>VP max          | 2                                                 |
| .....             | ..... | .....                           | .....                                             |
| Cộng lượng        |       |                                 | 15                                                |
| Đơn giá xuất      |       |                                 | 3.995.860                                         |
| <b>Thành tiền</b> |       |                                 | <b>59.937.900</b>                                 |

**BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO**

**Tháng 10 năm 2017**

**Loại sản phẩm: Lớp LanDy 1100R20 DD328**

| Phiếu xuất        |       | Diễn giải                   | Lớp LanDy<br>1100R20 DD328<br>(cái) |
|-------------------|-------|-----------------------------|-------------------------------------|
| SH                | NT    |                             |                                     |
| PXK001308         | 15/10 | Xuất bán cho CT CP V<br>& T | 5                                   |
| PXK001393         | 24/10 | Xuất bán cho CT Mai<br>Vũ   | 3                                   |
| .....             | ..... | .....                       | .....                               |
| Cộng lượng        |       |                             | 16                                  |
| Đơn giá xuất      |       |                             | 4.437.059                           |
| <b>Thành tiền</b> |       |                             | <b>70.992.944</b>                   |

**Biểu số 2.13: Phiếu kế toán**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Đơn vị: Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Ngày 31 tháng 10 năm 2017**

Số 10

| STT | Diễn giải        | TKĐƯ |     | Số tiền       |
|-----|------------------|------|-----|---------------|
|     |                  | Nợ   | Có  |               |
|     | Giá vốn Tháng 10 | 632  | 156 | 2.047.245.869 |
|     | Cộng             |      |     |               |

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.14 : Sổ nhật ký chung (trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          |                                                                                               |                 |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong<br>Địa chỉ: 762 đường bao Trần Hưng Đạo, P Đông Hải 1, Q Hải An, Thành phố Hải Phòng |          |       |                                                                          | Mẫu số S03a- DNN<br>(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính) |                 |                 |
| NHẬT KÝ CHUNG<br>(Năm 2017)                                                                                                                  |          |       |                                                                          |                                                                                               |                 |                 |
| NT<br>ghi sổ                                                                                                                                 | Chứng từ |       | Diễn giải                                                                | TK<br>ĐƯ                                                                                      | Số phát sinh    |                 |
|                                                                                                                                              | SH       | NT    |                                                                          |                                                                                               | Nợ              | Có              |
|                                                                                                                                              |          |       | Số trang trước chuyển sang                                               |                                                                                               |                 |                 |
| ...                                                                                                                                          | ...      | ...   | ...                                                                      | ...                                                                                           | ...             | ...             |
| 09/10                                                                                                                                        | HĐ3101   | 09/10 | Mua somi romooc 15R - 12988                                              | 211                                                                                           | 172.727.273     |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 133                                                                                           | 17.272.727      |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 331                                                                                           |                 | 190.000.000     |
| 10/10                                                                                                                                        | HĐ3152   | 10/10 | Xuất lốp casumina 295/75 R22.5 16PR GS 852 bán cho cty cổ phần sông Hồng | 112                                                                                           | 19.162.100      |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 511                                                                                           |                 | 17.420.091      |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 3331                                                                                          |                 | 1.742.009       |
| 10/10                                                                                                                                        | UNC1314  | 10/10 | Thanh toán cước biển bill HACHPH tàu Hải An                              | 331                                                                                           | 7.400.000       |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 112                                                                                           |                 | 7.400.000       |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                                                    | ....                                                                                          | .....           | .....           |
| 31/10                                                                                                                                        | PKT10    | 31/10 | Giá vốn tháng 10                                                         | 632                                                                                           | 2.047.245.869   |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                                                          | 156                                                                                           |                 | 2.047.245.869   |
| ....                                                                                                                                         | ....     | ..... | .....                                                                    | .....                                                                                         | .....           | .....           |
|                                                                                                                                              |          |       | Tổng cộng                                                                |                                                                                               | 219.831.695.621 | 219.831.695.621 |
| Đơn vị tính:VNĐ                                                                                                                              |          |       |                                                                          |                                                                                               |                 |                 |
| - Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....                                                                                 |          |       |                                                                          |                                                                                               |                 |                 |
| - Ngày mở sổ: .....                                                                                                                          |          |       |                                                                          |                                                                                               |                 |                 |

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.15 : Sổ cái TK 632**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

**Mẫu số S03b- DNN**

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông  
Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-  
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài  
Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**

**Số hiệu TK: 632**

**(năm 2017)**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>Ghi<br>Số | Chứng từ |       | Diễn giải                    | SH<br>TK<br>ĐƯ | Số tiền               |                       |
|-----------------|----------|-------|------------------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
|                 | SH       | NT    |                              |                | Nợ                    | Có                    |
|                 |          |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>   |                |                       |                       |
| ...             | ...      | ...   | .....                        | ....           | .....                 | .....                 |
| 6/10            | PX191    | 6/10  | Xuất lớp ô tô cho cty vp max | 156            | 25.836.618            |                       |
| 31/10           | PKT10    | 31/10 | giá vốn tháng 10             | 156            | 2.047.245.869         |                       |
| .....           | ...      | ....  | .....                        | ....           | .....                 |                       |
| 31/12           | PKT      | 31/12 | Kết chuyển giá vốn           | 911            |                       | 30.245.097.866        |
|                 |          |       | <b>Cộng số phát sinh</b>     |                | <b>30.245.097.866</b> | <b>30.245.097.866</b> |
|                 |          |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>  |                |                       |                       |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017  
**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**2.2.2.2. Chi phí quản lý kinh doanh****\*Chứng từ sử dụng:**

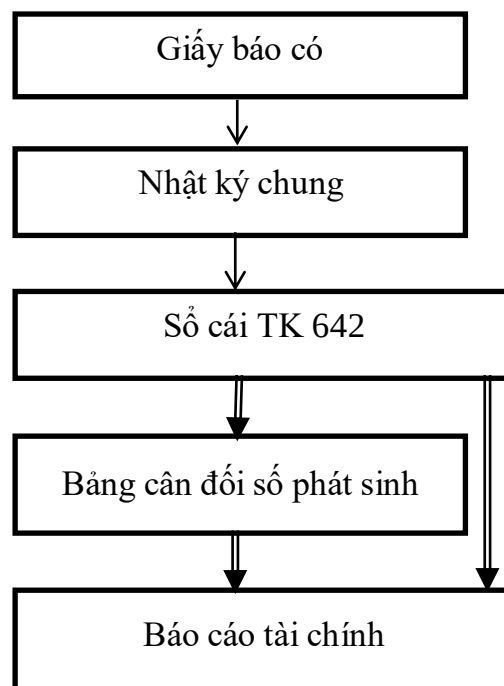
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

**\*Tài khoản sử dụng:**

TK642: Chi phí quản lý kinh doanh

**\*Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản...

**\*Quy trình hạch toán:**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: —————>

**Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi, ủy nhiệm chi... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung.

Từ số liệu trên sổ nhật kí chung, kế toán ghi nhận vào sổ cái TK 642.

Cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái tài khoản 642 để lập bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

### Hạch toán thực tế:

**Ví dụ 2.5:** Ngày 31/10/2017 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại tháng 10 của bộ phận bán hàng với số tiền 2.117.885 đồng (đã có VAT)

Kế toán hạch toán:

|           |   |           |
|-----------|---|-----------|
| Nợ TK6421 | : | 1.925.350 |
| Nợ TK133  | : | 192.535   |
| Có TK111  | : | 2.117.885 |

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông số 3494899 (biểu số 2.16) và các chứng từ có liên quan, kế toán lập Phiếu chi số 563(biểu số 2.17).

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.20) và Sổ cái 642 (biểu số 2.21)

**Ví dụ 2.6:** - Ngày 27/10/2017, thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Công ty TNHH thương mại và nội thất Minh Phát số tiền 1.113.750 VNĐ, ghi:

Nợ TK 6422: 1.012.500

No TK 133: 101.250

Có TK111: 1.113.750

Căn cứ vào hóa đơn 0002132 (Biểu 18) và phiếu chi 532 (Biểu 19) kế toán định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 20) và sổ cái 642 (biểu số 2.21)



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Tháng 10/2017

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu (Serial No): AD/16E

Số (No): 3494899

Mã số thuế: 0106869738 – 203

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT - Số 5 Nguyễn Tri Phương, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

MST: 0201270285

Địa chỉ (Address): Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng, Việt Nam.

Số điện thoại (Tel): 031.3 555256 – 031.3 555257 Mã số (Code): QNID00951110

Hình thức thanh toán (Kind of payment): CK/TM

| STT<br>(No)                                        | DỊCH VỤ SỬ DỤNG<br>(Kind of service)  | ĐVT<br>(Unit) | SỐ LƯỢNG<br>(Quantity) | ĐƠN GIÁ<br>(Price)               | THÀNH TIỀN<br>(Amount) VNĐ |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| 1                                                  | 2                                     | 3             | 4                      | 5                                | 6=4x5                      |
| 1                                                  | Các khoản chịu thuế                   |               |                        |                                  | 1.925.350                  |
| 2                                                  | Các khoản không chịu thuế và thu khác |               |                        |                                  | 0                          |
| 3                                                  | Khuyến mại (không thu tiền)           |               |                        |                                  | 0                          |
| 4                                                  | Các khoản truy thu, giảm trừ          |               |                        |                                  | 0                          |
| Cộng tiền dịch vụ (Total) (A)=(1+2-3+4):           |                                       |               |                        |                                  | 1.925.350                  |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% $\times$ (1-3)=     |                                       |               |                        | Tiền thuế GTGT (VAT amount) (B): | 192.535                    |
| Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (C)=(A+B): |                                       |               |                        |                                  | <b>2.117.885</b>           |

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm tám mươi năm đồng.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017

**Người nộp tiền ký**  
(Signature of payer)

**Nhân viên giao dịch ký**  
(Signature of dealing staff)

**Biểu 2.17: Phiếu chi 563**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

**Địa chỉ :** Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số: 02 - TT**

(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT- BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

Quyển số:.....06.....

Số: .....563.....

Nợ TK 6421: 1.925.350

Nợ TK 133 : 192.535

Có TK 111 : 2.117.885

**PHIẾU CHI**

*Ngày 31 tháng 10 năm 2017*

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Trang

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT - Số 5 Nguyễn Tri Phương, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Lý do chi: Chi tiền thanh toán cước điện thoại tháng 10/2017

Số tiền : 2.117.885 (Viết bằng chữ): *Hai triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng.*

Kèm theo: ...01.... Chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2017

|                           |                       |                        |                        |                     |
|---------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|---------------------|
| <b>Giám đốc</b>           | <b>Kế toán trưởng</b> | <b>Người nhận tiền</b> | <b>Người lập phiếu</b> | <b>Thủ quỹ</b>      |
| <i>(Ký tên, đóng dấu)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i>   | <i>(Ký, họ tên)</i>    | <i>(Ký, họ tên)</i>    | <i>(Ký, họ tên)</i> |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Hai triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng.*

+ Tỷ giá ngoại tệ: .....

+ Số tiền quy đổi: .....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**Biểu số 2.18: Hóa đơn GTGT số 002132**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

| <b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b><br>Liên 2: Nội bộ<br>Ngày 15 tháng 10 năm 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       |                                             | Mẫu số: 01GTKT3/001<br>Ký hiệu: AA/16P<br>Số: 0002132 |                                                           |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------|
| Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH thương mại và nội thất Minh Phát</b><br>Mã số thuế: 0201270285<br>Địa chỉ: Số 265 Lô 22 Đường Lê Hồng Phong Phường Đông Khê Q Ngô Quyền, Hải Phòng, VN<br>Điện thoại: <b>031 3599252</b> Fax: <b>031 3599259</b><br>Số tài khoản: .....                                                                                                                        |                       |                                             |                                                       |                                                           |            |
| Họ tên người mua hàng: <b>công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong</b><br>Mã số thuế: 0201270285<br>Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng<br>Điện thoại: <b>031 3555256</b> Fax: <b>031 3555257</b><br>Số tài khoản: 001-00-00058155-5              Tại: NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng<br>Tên đơn vị: Hình thức thanh toán: Tiền mặt |                       |                                             |                                                       |                                                           |            |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT                                         | Số lượng                                              | Đơn giá                                                   | Thành tiền |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2                     | 3                                           | 4                                                     | 5                                                         | 6          |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Giấy in A4 ĐL 80/90   | Thùng                                       | 10                                                    | 83.000                                                    | 830.000    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Gim dập               | Hộp                                         | 15                                                    | 5.500                                                     | 82.500     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bút nhớ Faber         | Chiếc                                       | 10                                                    | 10.000                                                    | 100.000    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                                             |                                                       |                                                           |            |
| Cộng tiền hàng: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |                                             |                                                       |                                                           | 1.012.500  |
| Thuế suất GTGT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       | 10%                                         | Tiền thuế GTGT:.....101.250                           |                                                           |            |
| Tổng cộng tiền hàng:.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                                             |                                                       |                                                           | 1.113.750  |
| Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |                                             |                                                       |                                                           |            |
| <b>Người mua hàng</b><br>( Ký, ghi rõ họ tên)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                       | <b>Người bán hàng</b><br>(Ký ghi rõ họ tên) |                                                       | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |            |

**Biểu 2.19: Phiếu chi 532**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

**Địa chỉ :** Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số: 02 - TT**

(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT- BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

Quyển số:.....06.....

Số: .....532.....

Nợ TK 6422: 1.925.350

Nợ TK 133 : 192.535

Có TK 111 : 2.117.885

**PHIẾU CHI**

*Ngày 27 tháng 10 năm 2017*

Họ tên người nhận tiền: Hoàng Minh Vũ

Địa chỉ: Số 265 Lô 22 Đường Lê Hồng Phong Phường Đông Khê Q Ngô Quyền Tp Hải Phòng, VN

Lý do chi: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền : 1.113.750 (Viết bằng chữ): *Một triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.*

Kèm theo: ...01.... Chứng từ gốc

*Ngày 31 tháng 10 năm 2017*

| <b>Giám đốc</b><br>(Ký tên, đóng dấu)                                                                                                                                                                                    | <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Người nhận tiền</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Người lập phiếu</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Thủ quỹ</b><br>(Ký, họ tên) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                          |                                       |                                        |                                        |                                |
| <p>Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): <i>Một triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.</i></p> <p>+ Tỷ giá ngoại tệ: .....</p> <p>+ Số tiền quy đổi: .....</p> <p>(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)</p> |                                       |                                        |                                        |                                |

**Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung (trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

| Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong<br>Địa chỉ: 762 đường bao Trần Hưng Đạo, P Đông Hải 1, Q Hải An, Thành phố Hải Phòng |          |       |                                             | <b>Mẫu số S03a- DNN</b><br>(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính) |                        |                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>NHẬT KÝ CHUNG</b><br><b>( năm 2017)</b>                                                                                                   |          |       |                                             |                                                                                                      |                        |                        |
| NT<br>ghi sổ                                                                                                                                 | Chứng từ |       | Diễn giải                                   | TKĐƯ                                                                                                 | Số phát sinh           |                        |
|                                                                                                                                              | SH       | NT    |                                             |                                                                                                      | Nợ                     | Có                     |
|                                                                                                                                              |          |       | <b>Số trang trước chuyển sang</b>           |                                                                                                      |                        |                        |
| ...                                                                                                                                          | ...      | ...   | ...                                         | ...                                                                                                  | ...                    | ...                    |
| 10/10                                                                                                                                        | UNC1314  | 10/10 | Thanh toán cước biển bill HACHPH tàu Hải An | 331                                                                                                  | 7.400.000              |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                             | 112                                                                                                  |                        | 7.400.000              |
| 10/10                                                                                                                                        | HĐ3158   | 10/10 | Xuất ác quy bán cho tcy Mai Vũ              | 131                                                                                                  | 30.360.000             |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                             | 511                                                                                                  |                        | 27.600.000             |
|                                                                                                                                              |          |       |                                             | 3331                                                                                                 |                        | 2.760.000              |
| 27/10                                                                                                                                        | PC532    | 27/10 | Mua văn phòng phẩm                          | 6422                                                                                                 | 1.012.500              |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                             | 133                                                                                                  | 101.250                |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                             | 111                                                                                                  |                        | 1.113.750              |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                       | .....                                                                                                | .....                  | .....                  |
| 31/10                                                                                                                                        | PC 563   | 31/10 | Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông      | 6421                                                                                                 | 1.925.350              |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                             | 133                                                                                                  | 192.535                |                        |
|                                                                                                                                              |          |       |                                             | 111                                                                                                  |                        | 2.117.885              |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                       | .....                                                                                                | .....                  | .....                  |
|                                                                                                                                              |          |       | <b>Tổng cộng</b>                            |                                                                                                      | <b>219.831.695.621</b> | <b>219.831.695.621</b> |
| Đơn vị tính: VND                                                                                                                             |          |       |                                             |                                                                                                      |                        |                        |
| - Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....<br>- Ngày mở sổ: .....                                                          |          |       |                                             |                                                                                                      |                        |                        |

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.21: Sổ cái 642 (Trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường  
Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**  
(Ban hành theo Thông tư  
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016  
của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh**

**Số hiệu TK: 642**

**Năm 2017**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>ghi sổ | Chứng từ   |       | Diễn giải                              | SHTK<br>ĐƯ | Số tiền              |                      |
|--------------|------------|-------|----------------------------------------|------------|----------------------|----------------------|
|              | SH         | NT    |                                        |            | Nợ                   | Có                   |
|              |            |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>             |            |                      |                      |
| .....        | .....      | ...   | .....                                  | .....      | .....                | .....                |
| 16/10        | PC434      | 14/10 | Chi tiền tiếp khách                    | 111        | 4.246.000            |                      |
| .....        | .....      | ..... | .....                                  | .....      | .....                |                      |
| 27/10        | PC532      | 27/10 | Mua văn phòng phẩm                     | 111        | 1.012.500            |                      |
| .....        | ...        | ...   | .....                                  | ...        | .....                | .....                |
| 31/10        | PC563      | 31/10 | Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông | 111        | 1.925.350            |                      |
| 31/10        | KHTS<br>27 | 31/10 | Trích khấu hao TSCĐ T10/2017           | 214        | 137.843.872          |                      |
| .....        | .....      | ..... | .....                                  | .....      | .....                | .....                |
| 31/12        | PKT        | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh  | 911        |                      | 2.424.517.440        |
|              |            |       | <b>Cộng số phát sinh</b>               |            | <b>2.424.517.440</b> | <b>2.424.517.440</b> |
|              |            |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>            |            |                      |                      |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)



### 2.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

#### 2.2.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2017 của công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng.

**\* Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Có
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

**\*Sổ sách sử dụng**

- +Sổ nhật ký chung
- +Sổ cái TK 515

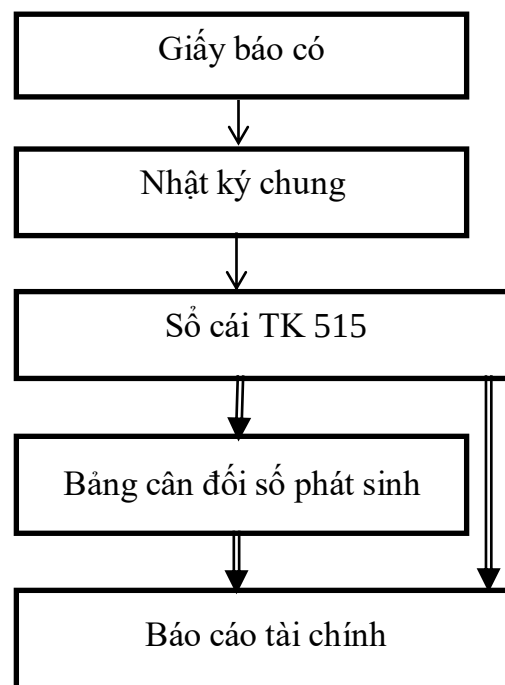
**\*Quy trình hạch toán**

Hằng ngày căn cứ vào giấy báo có và các chứng từ khác có liên quan; kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Máy tính sẽ tự động ghi vào sổ cái TK 515 và các sổ có liên quan.

Cuối quý kế toán thực hiện khóa sổ để lập bảng cân đối số phát sinh

Cuối năm căn cứ vào sổ cái và bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập báo cáo tài chính

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



**Ghi chú:**

Ghi hằng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ  $\Longrightarrow$

**Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Ví dụ 2.7:** Ngày 25/10/2017 Công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về lãi tiền gửi tháng 10/2017 được hưởng 385.611 đồng.

-Căn cứ vào giấy báo có số 25/10 (Biểu 2.22), kế toán nhập vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.23), sổ cái TK 515 (Biểu 2.24).

**Kế toán tiến hành định khoản:**

Nợ TK 112: 385.611

Có TK 515: 385.611

**Biểu số 2.22 – GBC 25/10– Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng  
( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và  
vận tải Việt Phong)**

| GIẤY BÁO CÓ                                                                                 |                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|          |                                                   |
| Trang 1/1                                                                                   |                                                   |
| Ngày 25 tháng 10 năm 2017                                                                   |                                                   |
| Kính gửi: CTY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI VIỆT PHONG                               | Số tài khoản: 001-00-00058155-5                   |
| Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng          | Loại tiền: VND                                    |
| Giấy phép kinh doanh: 0201270285                                                            | Loại tài khoản: VND-TGTT-CT CP TBCP VT VIET PHONG |
| Mã số thuế: 0201270285                                                                      | Số bút toán hạch toán: FT163419267\BNK            |
| G – Account: 10062918                                                                       |                                                   |
| VPBank xin thông báo đã ghi có tài khoản tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau: |                                                   |
| Nội dung                                                                                    | Số tiền                                           |
| CITAD inward Payment                                                                        | 385.611                                           |
| <b>Tổng số tiền</b>                                                                         | <b>385.611</b>                                    |
| Số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm mười một đồng./                       |                                                   |
| Diễn giải: LAI NHAP VON.                                                                    |                                                   |
| Lập phiếu                                                                                   | Kiểm soát                                         |
|                                                                                             | Kế toán trưởng                                    |

**Biểu số 2.23: Sổ nhật ký chung (trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

|                                                                                                                                                 |          |       |                                                   |                                                                                                  |                 |                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong<br>Địa chỉ: 762 đường bao Trần Hưng Đạo, P Đông Hải 1, Q<br>Hải An, Thành phố Hải Phòng |          |       |                                                   | Mẫu số S03a- DNN<br>(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày<br>26/08/2016 của Bộ Tài Chính) |                 |                 |
| NHẬT KÝ CHUNG<br>( Năm 2017)                                                                                                                    |          |       |                                                   |                                                                                                  |                 |                 |
| NT<br>ghi sổ                                                                                                                                    | Chứng từ |       | Diễn giải                                         | TKĐƯ                                                                                             | Số phát sinh    |                 |
|                                                                                                                                                 | SH       | NT    |                                                   |                                                                                                  | Nợ              | Có              |
|                                                                                                                                                 |          |       | Số trang trước chuyển sang                        |                                                                                                  |                 |                 |
| ...                                                                                                                                             | ...      | ...   | ...                                               | ...                                                                                              | ...             | ...             |
| 10/10                                                                                                                                           | HĐ3158   | 10/10 | Xuất ác quy bán cho tcy<br>Mai Vũ                 | 131                                                                                              | 30.360.000      |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                                                   | 511                                                                                              |                 | 27.600.000      |
|                                                                                                                                                 |          |       |                                                   | 3331                                                                                             |                 | 2.760.000       |
| .....                                                                                                                                           | .....    | ..... | .....                                             | .....                                                                                            | .....           | .....           |
| 25/10                                                                                                                                           | GBC396   | 25/10 | Lãi tiền gửi tháng 10/2017                        | 112                                                                                              | 385.611         |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                                                   | 515                                                                                              |                 | 385.611         |
| .....                                                                                                                                           | .....    | ..... | .....                                             | ...                                                                                              | .....           | .....           |
| 31/10                                                                                                                                           | PC 563   | 31/10 | Chi tiền thanh toán dịch vụ<br>viễn thông         | 6421                                                                                             | 1.925.350       |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                                                   | 133                                                                                              | 192.535         |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                                                   | 111                                                                                              |                 | 2.117.885       |
| 31/10                                                                                                                                           | BL10     | 31/10 | Tính tiền lương phải trả<br>cho bộ phận văn phòng | 6422                                                                                             | 53.645.500      |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                                                   | 334                                                                                              |                 | 53.645.500      |
|                                                                                                                                                 |          |       | Tổng cộng                                         |                                                                                                  | 219.831.695.621 | 219.831.695.621 |
| Đơn vị tính:VNĐ                                                                                                                                 |          |       |                                                   |                                                                                                  |                 |                 |
| - Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....                                                                                    |          |       |                                                   |                                                                                                  |                 |                 |
| - Ngày mở sổ: .....                                                                                                                             |          |       |                                                   |                                                                                                  |                 |                 |

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.24: Sổ cái 515 (Trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Đơn vị: Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**  
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu TK: 515**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT Ghi Sổ | Chứng từ     |       | Diễn giải                                | SH TK ĐƯ | Số tiền          |                  |
|-----------|--------------|-------|------------------------------------------|----------|------------------|------------------|
|           | SH           | NT    |                                          |          | Nợ               | Có               |
|           |              |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>               |          |                  |                  |
| ...       | ...          | ...   | .....                                    | ....     | .....            | .....            |
| 25/06     | GBC<br>25/06 | 25/06 | Lãi tiền gửi tháng 6                     | 112      |                  | 189.564          |
| .....     | ...          | ....  | .....                                    | ....     | .....            |                  |
| 25/10     | GBC<br>25/10 | 25/10 | Lãi tiền gửi tháng 10                    | 112      |                  | 385.611          |
| .....     | .....        | ..... | .....                                    | .....    | .....            | .....            |
| 25/12     | GBC<br>25/12 | 25/12 | Lãi tiền gửi tháng 12                    | 112      |                  | 202.562          |
| 31/12     | PKT<br>27/12 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 911      | 1.337.542        |                  |
|           |              |       | <b>Cộng số phát sinh</b>                 |          | <b>1.337.542</b> | <b>1.337.542</b> |
|           |              |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>              |          |                  |                  |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**2.2.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính****\* Chứng từ sử dụng**

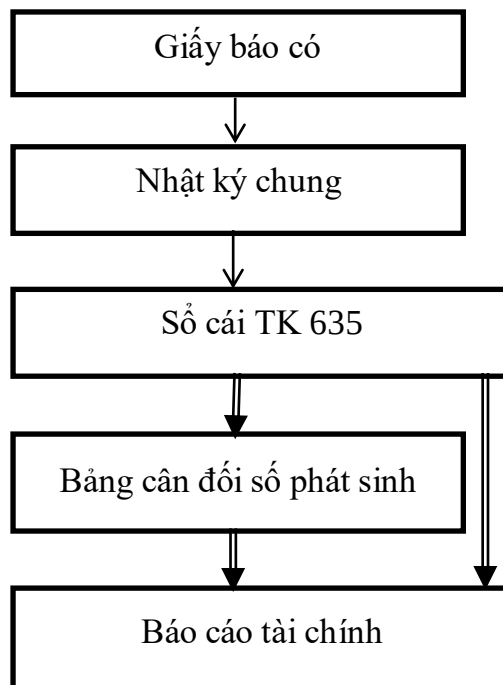
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo Nợ

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 635: Chi phí tài chính

**\* Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 635

**\* Quy trình hạch toán****Ghi chú:**

Ghi hằng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ :  $\Longrightarrow$

**Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí hoạt động tài chính**

- Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên nhật ký chung để vào sổ cái tài khoản 635.

- Cuối quý, cuối năm, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối tài khoản, được lập báo cáo tài chính.

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị, công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong lập phiếu kế toán tính tiền thuế thu nhập doanh nghiệp

**Ví dụ 8:** Ngày 21/10/2017, Công ty trả lãi ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng VPBANK tháng 10 số tiền 18.779.463 đồng qua tài khoản tiền gửi của công ty. Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 18.779.463

Có TK 112: 18.779.463

Căn cứ vào giấy báo nợ số 21/10 (Biểu 2.25), kế toán làm căn cứ ghi sổ để ghi vào nhật ký chung (Biểu 2.26), sổ cái 635 (Biểu 2.27)

**Biểu số 2.25: Giấy báo nợ số 21/10**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

| <b>GIẤY BÁO NỢ</b>                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                   |
| Trang 1/1                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                   |
| Ngày 21 tháng 10 năm 2017                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                   |
| Kính gửi: CTY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI VIỆT PHONG<br>Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng<br>Giấy phép kinh doanh: 0201270285<br>Mã số thuế: 0201270285<br>G – Account: 10062918 | Số tài khoản: 001-00-00058155-5<br>Loại tiền: VND<br>Loại tài khoản: VND-TGTT-CT CP TBCP VT VIET PHONG<br>Số bút toán hạch toán: FT1634191667\BNK |
| VPBank xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                   |
| Nội dung                                                                                                                                                                                                                                   | Số tiền                                                                                                                                           |
| Trả lãi tiền vay                                                                                                                                                                                                                           | <b>18.779.463</b>                                                                                                                                 |
| <b>Tổng số tiền</b>                                                                                                                                                                                                                        | <b>18.779.463</b>                                                                                                                                 |
| Số tiền bằng chữ: Mười tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng./                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                   |
| Diễn giải: trả lãi tiền vay.                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                   |
| <b>Lập phiếu</b>                                                                                                                                                                                                                           | <b>Kiểm soát</b>                                                                                                                                  |
| <b>Kế toán trưởng</b>                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |

**Biểu số 2.26 : Sổ nhật ký chung (trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

|                                                                                                                                              |          |       |                                        |                                                                                               |                 |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong<br>Địa chỉ: 762 đường bao Trần Hưng Đạo, P Đông Hải 1, Q Hải An, Thành phố Hải Phòng |          |       |                                        | Mẫu số S03a- DNN<br>(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính) |                 |                 |
| NHẬT KÝ CHUNG<br>( Năm 2017)                                                                                                                 |          |       |                                        |                                                                                               |                 |                 |
| NT ghi sổ                                                                                                                                    | Chứng từ |       | Diễn giải                              | TKĐ<br>Ư                                                                                      | Số phát sinh    |                 |
|                                                                                                                                              | SH       | NT    |                                        |                                                                                               | Nợ              | Có              |
|                                                                                                                                              |          |       | Số trang trước chuyển sang             |                                                                                               |                 |                 |
| ...                                                                                                                                          | ...      | ...   | ...                                    | ...                                                                                           | ...             | ...             |
| 10/10                                                                                                                                        | HĐ3158   | 10/10 | Xuất ác quy bán cho tcy Mai Vũ         | 131                                                                                           | 30.360.000      |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                        | 511                                                                                           |                 | 27.600.000      |
|                                                                                                                                              |          |       |                                        | 3331                                                                                          |                 | 2.760.000       |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                  | .....                                                                                         | .....           | .....           |
| 21/10                                                                                                                                        | GBN21/10 | 21/10 | Trả lãi tiền gửi tháng 10/2017         | 635                                                                                           | 18.779.463      |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                        | 112                                                                                           |                 | 18.779.463      |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                  | ...                                                                                           | .....           | .....           |
| 31/10                                                                                                                                        | PC 563   | 31/10 | Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông | 6421                                                                                          | 1.925.350       |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                        | 133                                                                                           | 192.535         |                 |
|                                                                                                                                              |          |       |                                        |                                                                                               |                 | 2.117.885       |
| .....                                                                                                                                        | .....    | ..... | .....                                  | .....                                                                                         | .....           | .....           |
|                                                                                                                                              |          |       | Tổng cộng                              |                                                                                               | 219.831.695.621 | 219.831.695.621 |
| Đơn vị tính: VNĐ                                                                                                                             |          |       |                                        |                                                                                               |                 |                 |
| - Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....                                                                                 |          |       |                                        |                                                                                               |                 |                 |
| - Ngày mở sổ: .....                                                                                                                          |          |       |                                        |                                                                                               |                 |                 |

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.27: Sổ cái 635 (Trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Đơn vị: Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**  
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu TK: 635**

**Năm 2017**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>Ghi<br>Số | Chứng từ     |       | Diễn giải                                 | SH<br>TK<br>ĐƯ | Số tiền            |                    |
|-----------------|--------------|-------|-------------------------------------------|----------------|--------------------|--------------------|
|                 | SH           | NT    |                                           |                | Nợ                 | Có                 |
|                 |              |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>                |                |                    |                    |
| ...             | ...          | ...   | .....                                     | ....           | .....              | .....              |
| .....           | ...          | ....  | .....                                     | ....           | .....              |                    |
| 21/10           | GBN<br>21/10 | 21/10 | Trả lãi tiền gửi tháng<br>10/2017         | 112            | 68.779.463         |                    |
| .....           | .....        | ..... | .....                                     | .....          | .....              | .....              |
| 31/12           | PKT          | 31/12 | Kết chuyển chi phí hoạt<br>động tài chính | 911            |                    | 400.508.891        |
|                 |              |       | <b>Cộng số phát sinh</b>                  |                | <b>400.508.891</b> | <b>400.508.891</b> |
|                 |              |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>               |                |                    |                    |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Kế toán sử dụng TK 711 để ghi nhận thu nhập khác & TK 811 để ghi nhận chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Thông thường đó là các khoản chi có liên quan đến việc xử lý công nợ... và khoản chi này chỉ là khoản chi nhỏ trong công ty.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập nằm ngoài những khoản thu nhập kể trên. Đối với công ty chủ yếu là những khoản thu nhập như : thu nhập từ việc xử lý công nợ, hoàn nhập dự phòng... Khoản thu nhập này chỉ chiếm giá trị nhỏ trong tổng số thu nhập của công ty.

**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 711: Thu nhập khác.
- TK 811: Chi phí khác.

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Phiếu thu, phiếu chi...

Tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong năm 2017 không phát sinh khoản thu nhập khác và chi phí khác.

**2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận thuần từ} & & \text{Lợi nhuận gộp về} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động kinh} & = & \text{bán hàng và cung} & + & \text{hoạt động} & - & \text{tài chính} & - & \text{quản lý kinh} \\ \text{doanh} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{tài chính} & & & & \text{doanh} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng} & = & \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} & & \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & - & \text{Giá vốn hàng bán} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ và chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

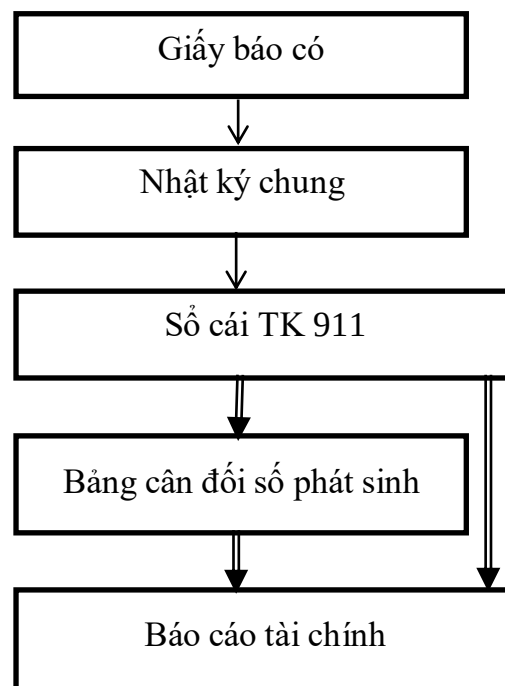
- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 20% .
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế TNDN
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

**\* Quy trình hạch toán****Ghi chú:**

Ghi hằng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ :  $\Longrightarrow$

**Sơ đồ 2.9 :Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**Ví dụ 9:** Ngày 31/12/2017 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán (Biểu 36, 37, 38, 39, 40).

Từ phiếu kế toán kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 41)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 37.919.339.207

Doanh thu tài chính : 1.337.542

Giá vốn hàng bán : 30.245.097.866

Chi phí tài chính : 400.508.891

Chi phí quản lý kinh doanh : 2.424.517.440

$Lợi\ nhuận\ trước\ thuế = 37.919.339.207 + 1.337.542 - 30.245.097.866 - 400.508.891 - 2.424.517.440 = 4.850.552.552$

Khi đó:

$Thuế\ TNDN = 4.850.552.552 \times 20\% = 970.110.510$

$Lợi\ nhuận\ sau\ thuế = 4.850.552.552 - 970.110.510 = 3.880.442.042$

Kết quả kinh doanh năm 2017 của doanh nghiệp: Lãi

**Biểu số 2.28 : Phiếu kế toán số 36**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 36**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

| STT | Nội dung                                 | TK Nợ | TK Có | Số tiền               |
|-----|------------------------------------------|-------|-------|-----------------------|
| 1   | Kết chuyển doanh thu bán hàng            | 511   | 911   | 37.919.339.207        |
| 2   | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515   | 911   | 1.337.542             |
|     | <b>Cộng</b>                              |       |       | <b>37.920.676.749</b> |

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.29 : Phiếu kế toán số 37**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 37****Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

| STT | Nội dung                               | TK Nợ | TK Có | Số tiền               |
|-----|----------------------------------------|-------|-------|-----------------------|
| 1   | Kết chuyển giá vốn hàng bán            | 911   | 632   | 30.245.097.866        |
| 2   | Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính | 911   | 635   | 400.508.891           |
| 3   | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh  | 911   | 642   | 2.424.517.440         |
|     | <b>Cộng</b>                            |       |       | <b>33.070.124.197</b> |

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.30 : Phiếu kế toán số 38**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 38****Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

| STT | Nội dung                    | TK Nợ | TK Có | Số tiền            |
|-----|-----------------------------|-------|-------|--------------------|
| 1   | Thuế TNDN phải nộp năm 2017 | 821   | 3334  | 970.110.510        |
|     | <b>Cộng</b>                 |       |       | <b>970.110.510</b> |

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.31 : Phiếu kế toán số 39**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 39****Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

| STT | Nội dung                     | TK Nợ | TK Có | Số tiền            |
|-----|------------------------------|-------|-------|--------------------|
| 1   | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911   | 821   | 970.110.510        |
|     | <b>Cộng</b>                  |       |       | <b>970.110.510</b> |

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.32 : Phiếu kế toán số 40**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 40****Ngày 31 tháng 12 năm 2017**

| STT | Nội dung                      | TK Nợ | TK Có | Số tiền              |
|-----|-------------------------------|-------|-------|----------------------|
| 1   | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế | 911   | 421   | 3.880.442.042        |
|     | <b>Cộng</b>                   |       |       | <b>3.880.442.042</b> |

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.33 : Sổ nhật ký chung (trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

|                                                                                                                                                 |          |       |                               |                                                                                                  |                 |                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong<br>Địa chỉ: 762 đường bao Trần Hưng Đạo, P Đông Hải 1, Q<br>Hải An, Thành phố Hải Phòng |          |       |                               | Mẫu số S03a- DNN<br>(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày<br>26/08/2016 của Bộ Tài Chính) |                 |                 |
| NHẬT KÝ CHUNG<br>( Năm 2017)                                                                                                                    |          |       |                               |                                                                                                  |                 |                 |
| NT<br>ghi sổ                                                                                                                                    | Chứng từ |       | Diễn giải                     | TKĐ<br>Ư                                                                                         | Số phát sinh    |                 |
|                                                                                                                                                 | SH       | NT    |                               |                                                                                                  | Nợ              | Có              |
|                                                                                                                                                 |          |       | Số trang trước chuyển sang    |                                                                                                  |                 |                 |
| ...                                                                                                                                             | ...      | ...   | ...                           | ...                                                                                              | ...             | ...             |
| 31/12                                                                                                                                           | PKT36    | 31/12 | Kết chuyển doanh thu          | 511                                                                                              | 37.919.339.207  |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 515                                                                                              | 1.337.542       |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 911                                                                                              |                 | 37.920.676.749  |
| 31/12                                                                                                                                           | PKT37    | 31/12 | Kết chuyển chi phí            | 911                                                                                              | 33.070.124.197  |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 632                                                                                              |                 | 30.245.097.866  |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 635                                                                                              |                 | 400.508.891     |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 642                                                                                              |                 | 2.424.517.440   |
| 31/12                                                                                                                                           | PKT38    | 31/12 | Xác định thuế TNDN            | 821                                                                                              | 970.110.510     |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 3334                                                                                             |                 | 970.110.510     |
| 31/12                                                                                                                                           | PKT39    | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN  | 911                                                                                              | 970.110.510     |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 821                                                                                              |                 | 970.110.510     |
| 31/12                                                                                                                                           | PKT40    | 31/12 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế | 911                                                                                              | 3.880.442.042   |                 |
|                                                                                                                                                 |          |       |                               | 421                                                                                              |                 | 3.880.442.042   |
|                                                                                                                                                 |          |       | Tổng cộng                     |                                                                                                  | 219.831.695.621 | 219.831.695.621 |
| Đơn vị tính:VNĐ                                                                                                                                 |          |       |                               |                                                                                                  |                 |                 |
| - Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....                                                                                    |          |       |                               |                                                                                                  |                 |                 |
| - Ngày mở sổ: .....                                                                                                                             |          |       |                               |                                                                                                  |                 |                 |

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.34: Sổ cái 911**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Đơn vị: Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**  
(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu TK: 911**

**Năm 2017**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT Ghi Số | Chứng từ |       | Diễn giải                                | SH TK ĐƯ | Số tiền               |                       |
|-----------|----------|-------|------------------------------------------|----------|-----------------------|-----------------------|
|           | SH       | NT    |                                          |          | Nợ                    | Có                    |
|           |          |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>               |          |                       |                       |
| 31/12     | PKT 36   | 31/12 | Kết chuyển doanh thu bán hàng            | 511      |                       | 37.919.339.207        |
| 31/12     | PKT 36   | ....  | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515      |                       | 1.337.542             |
| 31/12     | PKT 37   | 21/10 | Kết chuyển giá vốn                       | 632      | 30.245.097.866        |                       |
| 31/12     | PKT 37   | 31/12 | Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính   | 635      | 400.508.891           |                       |
| 31/12     | PKT 37   | 31/12 | Kết chuyển CPQLKD                        | 642      | 2.424.517.440         |                       |
| 31/12     | PKT 39   | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN             | 821      | 970.110.510           |                       |
| 31/12     | PKT 40   | 31/12 | Kết chuyển lợi nhuận sau thuế            | 421      | 3.880.442.042         |                       |
|           |          |       | <b>Cộng số phát sinh</b>                 |          | <b>37.920.676.749</b> | <b>37.920.676.749</b> |
|           |          |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>              |          |                       |                       |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

**Người lập biểu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.35: Sổ cái 821 (Trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông  
Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**

(Ban hành theo Thông tư  
133/2016/TT-BTC ngày  
26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Số hiệu TK: 821**

**(Năm 2017)**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>Ghi<br>Số | Chứng từ |       | Diễn giải                       | SH<br>TK<br>ĐƯ | Số tiền            |                    |
|-----------------|----------|-------|---------------------------------|----------------|--------------------|--------------------|
|                 | SH       | NT    |                                 |                | Nợ                 | Có                 |
|                 |          |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>      |                |                    |                    |
| ...             | ...      | ...   | .....                           | ....           | .....              | .....              |
| 31/12           | PKT38    | 31/12 | Thuế TNDN phải nộp              | 3334           | 970.110.510        |                    |
| 31/12           | PKT39    | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế<br>TNDN | 911            |                    | 970.110.510        |
|                 |          |       | <b>Cộng số phát sinh</b>        |                | <b>970.110.510</b> | <b>970.110.510</b> |
|                 |          |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>     |                |                    |                    |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Biểu số 2.36: Sổ cái 421 (Trích)**

**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông  
Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số S03b- DNN**

(Ban hành theo Thông tư  
133/2016/TT-BTC ngày  
26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối**

**Số hiệu TK: 421**

**(Năm 2017)**

**Đơn vị tính: VNĐ**

| NT<br>Ghi<br>Sổ | Chứng từ |       | Diễn giải                      | SH<br>TK<br>ĐƯ | Số tiền              |                           |
|-----------------|----------|-------|--------------------------------|----------------|----------------------|---------------------------|
|                 | SH       | NT    |                                |                | Nợ                   | Có                        |
|                 |          |       | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>     |                |                      | <b><u>120.016.256</u></b> |
| ...             | ...      | ...   | .....                          | ....           | .....                | .....                     |
| 31/12           | PKT40    | 31/12 | Lợi nhuận sau thuế năm<br>2017 | 911            |                      | 3.880.442.042             |
|                 |          |       | <b>Cộng số phát sinh</b>       |                | <b>3.883.085.004</b> | <b>3.880.442.042</b>      |
|                 |          |       | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>    |                |                      | <b><u>117.373.294</u></b> |

- Sổ này có ....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ....

- Ngày mở sổ: .....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017  
**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.37: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
**( Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán tại Công ty Cổ phần TBPT và vận tải Việt Phong)**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải  
 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**Mẫu số B02- DNN**

(Ban hành theo Thông tư  
 133/2016/TT-BTC ngày  
 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2017**

Đơn vị tính: Đồng VN

|                                                                            | <b>MÃ SỐ</b> | <b>THUYẾT MINH</b> | <b>NĂM NAY</b>        | <b>NĂM TRƯỚC</b>      |
|----------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>1</b>                                                                   | <b>2</b>     | <b>3</b>           | <b>4</b>              | <b>5</b>              |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                  | <b>01</b>    | IV.08              | 37.919.339.207        | 32.589.066.282        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                            | <b>02</b>    |                    |                       |                       |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)</b>   | <b>10</b>    |                    | <b>37.919.339.207</b> | <b>32.589.066.282</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                        | <b>11</b>    |                    | 30.245.097.866        | 25.250.640.260        |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)            | <b>20</b>    |                    | <b>7.674.241.341</b>  | <b>7.338.426.022</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                           | <b>21</b>    |                    | 1.337.542             | 1.180.900             |
| 7. Chi phí tài chính                                                       | <b>22</b>    |                    | 400.508.891           | 345.577.500           |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                | 23           |                    |                       |                       |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh                                              | <b>24</b>    |                    | 2.424.517.440         | 1.901.479.254         |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}</b> | <b>30</b>    |                    | <b>4.850.552.552</b>  | <b>4.692.550.168</b>  |
| 10. Thu nhập khác                                                          | <b>31</b>    |                    |                       |                       |
| 11. Chi phí khác                                                           | <b>32</b>    |                    |                       |                       |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)                                          | <b>40</b>    |                    |                       |                       |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                       | <b>50</b>    |                    | <b>4.850.552.552</b>  | <b>4.692.550.168</b>  |
| 14. Chi phí thuế TNDN                                                      | <b>51</b>    |                    | 970.110.510           | 938.510.034           |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)           | <b>60</b>    |                    | <b>3.880.442.042</b>  | <b>3.754.040.134</b>  |

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Người lập biểu**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

### **CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ VẬN TẢI VIỆT PHONG.**

#### **3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

##### **3.1.1. Ưu điểm**

- **Về bộ máy kế toán:** Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với công ty. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên trong công ty.

- **Về hạch toán ghi sổ:** Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên.

- **Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:** Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu

Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

##### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện.

- **Về hệ thống sổ sách:** Hiện nay công ty chưa theo dõi chi tiết doanh thu bán hàng cũng như giá vốn của hàng hóa nên việc đánh giá hiệu quả trong kinh doanh với từng sản phẩm gặp khó khăn.

- **Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:** Trong quá trình tiêu thụ công ty không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

- **Về ứng dụng phần mềm kế toán:** Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nên kế toán phải làm trên excel. Do khối lượng công việc hàng ngày phát sinh nhiều gây khó khăn trong công cho kế toán tác kế toán, đôi khi công việc bị chậm và gây áp lực công việc cho kế toán. Vì vậy công ty nên đầu tư phần mềm kế toán phù hợp với tính chất công việc của doanh nghiệp, để tăng hiệu quả của công tác kế toán.

### **3.2. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

Để đảm bảo sự hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì cần thực hiện các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải phù hợp với cơ cấu, tổ chức, quy mô sản xuất của doanh nghiệp, tuân thủ trên cơ sở tôn trọng các chế định tài chính, chế độ kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện phải đảm bảo được tính khách quan, đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác khi có yêu cầu và đảm bảo theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện nhằm đưa đến lợi ích, giá trị cho doanh nghiệp lâu dài, đưa ra những phương hướng, giải pháp hiệu quả và phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí.

### **3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong**

#### **3.3.1. Giải pháp 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty.**

Hiện nay, khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp ( Sổ nhật ký chung, Sổ cái), chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng ( nhóm mặt hàng). Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (biểu số 3.1), sổ chi tiết giá vốn (Biểu số 3.2), bảng tổng hợp chi tiết (biểu số 3.3) giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng ( nhóm mặt hàng) từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp. Căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 – chi tiết cho từng mặt hàng ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

**Biểu 3.1. Sổ chi tiết bán hàng**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường

Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/ TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên hàng hóa: MX279 - Lốp maxxis 11R22.5 16PR UR 279

Năm 2017

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ |            | Diễn giải                     | TKĐƯ  | Doanh thu  |           |                    | Các khoản tính trừ |       |
|-------------------|----------|------------|-------------------------------|-------|------------|-----------|--------------------|--------------------|-------|
|                   | Số hiệu  | Ngày tháng |                               |       | Số lượng   | Đơn giá   | Thành tiền         | Thuế               | Khác  |
| A                 | B        | C          | D                             | E     | 1          | 2         | 3=1x2              | 4                  | 5     |
| 28/10             | PX716    | 28/10      | Xuất lốp cho công ty Hải Hùng | 112   | 5          | 5.728.408 | 28.642.42          |                    |       |
|                   |          |            |                               |       |            |           |                    |                    |       |
| 30/10             | PX723    | 30/10      | Xuất lốp cho công ty Huy Hiệp | 112   | 2          | 5.728.408 | 11.456.817         |                    |       |
| ....              | .....    | .....      | .....                         | ..... | .....      | .....     | .....              | .....              | ..... |
|                   |          |            |                               |       |            |           |                    |                    |       |
|                   |          |            | <b>Cộng số phát sinh</b>      |       | <b>139</b> |           | <b>796.248.712</b> |                    |       |
|                   |          |            | <b>- Doanh thu thuần</b>      |       |            |           | <b>796.248.712</b> |                    |       |
|                   |          |            | <b>- Giá vốn hàng bán</b>     |       |            |           | <b>767.428.452</b> |                    |       |
|                   |          |            | <b>- Lãi gộp</b>              |       |            |           | <b>28.82.260</b>   |                    |       |

Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày ... tháng ... năm

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.2 Sổ chi phí sản xuất , kinh doanh**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong  
Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường  
Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016TT-  
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Tên hàng hóa: MX279 - Lớp maxxix 11R22.5 16PR UR 279

| NTGS  | Chứng từ |            | Diễn giải                                                         | TK ĐƯ | Ghi nợ TK 632 |           |                    |
|-------|----------|------------|-------------------------------------------------------------------|-------|---------------|-----------|--------------------|
|       | Số hiệu  | Ngày tháng |                                                                   |       | Số lượng      | Đơn giá   | Thành tiền         |
| A     | B        | C          | D                                                                 | E     | 1             | 2         | 3                  |
| ..... | ....     | ..         | .....                                                             | ...   | ....          | ....      | .....              |
| 25/10 | PX712    | 25/10      | Xuất lớp cho cty Tam Long                                         | 156   | 2             | 5.728.408 | 11.456.817         |
| ..... | ....     | ....       | .....                                                             | ..... | .....         | .....     | .....              |
|       |          |            | - Số dư đầu kỳ<br>- Số phát sinh trong kỳ                         |       |               |           |                    |
|       |          |            | - Cộng số phát sinh trong kỳ<br>- Ghi có TK...<br>- Số dư cuối kỳ |       |               |           | <b>767.428.452</b> |

Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

**Biểu số 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

**Tháng 10 năm 2017**

| STT   | Tên hàng hóa                     | Ký hiệu | Giá vốn hàng bán |
|-------|----------------------------------|---------|------------------|
| 1     | Lốp maxxis 11R22.5 16PR UR 279   | MX279   | 5.728.408        |
| 2     | Lốp Ô tô 295/75 R22.5 Superhawk  | 295/75  | 2.291.349        |
| 3     | Lốp casumina 12R22.5 18PR BS 661 | 661-12R | 4.757.181        |
| 4     | Lốp casumina 10.00R20 18PR BS 66 | 661-10  | 3.993.636        |
| 5     | Lốp Fronway 11.00R20 HD 158      | HD158   | 5.598.181        |
| ..... | ....                             | .....   | .....            |
| Cộng  |                                  |         |                  |

Ngày... tháng... năm....

**Người ghi sổ**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 3.4: Sổ tổng hợp bán hàng**

Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong

Địa chỉ: Số 762 đường bao Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG**

**Tháng 10 năm 2017**

**Đơn vị tính: Đồng**

| STT   | Tên sản phẩm                     | Doanh thu BH         | Khoản giảm trừ | Doanh thu thuần      |
|-------|----------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|
| A     | B                                | 1                    | 2              | 3                    |
| 1     | Lốp maxxis 11R22.5 16PR UR 279   | 91.654.528           | 0              | 91.654.528           |
| 2     | Lốp Ô tô 295/75 R22.5 Superhawk  | 34.370.235           | 0              | 34.370.235           |
| 3     | Lốp casumina 12R22.5 18PR BS 661 | 76.114.896           | 0              | 76.114.896           |
| 4     | Lốp casumina 10.00R20 18PR BS 66 | 103.834.536          | 0              | 103.834.536          |
| ..... | .....                            | .....                | ..             | .....                |
|       | <b>Cộng</b>                      | <b>3.366.197.658</b> | <b>0</b>       | <b>3.366.197.658</b> |

Ngày.....Tháng.....Năm....

**Người lập**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**3.3.2. Giải pháp 2: thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán**

- *Chiết khấu thanh toán* là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.
- *Mục đích* : Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để kích thích khách hàng trả nợ sớm. Tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn trong thời gian dài.
- *Cách thức tiến hành*: Chiết khấu thanh toán là tính trên số tiền thanh toán (bao gồm cả thuế GTGT). Không được ghi khoản chiết khấu thanh toán trên hóa đơn bán hàng để giảm giá. Đây là một khoản chi phí tài chính doanh nghiệp bán chấp nhận chi cho người mua. Người bán lập phiếu chi để trả khoản chiết khấu thanh toán. Người mua lập phiếu thu để nhận khoản chiết khấu thanh toán được hưởng.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách hiệu quả công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty có thể xác định mức chiết khấu cho khách hàng dựa trên:

- + Tỷ lệ lãi vay ngân hàng.
- + Thời gian thanh toán tiền hàng.
- + Tham khảo mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại.

Dựa theo mức lãi suất ngân hàng hiện hành em đề xuất mức chiết khấu trung bình là 9%/ năm.

*-Phương pháp hạch toán:*

- + Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:
  - Nợ TK 635: Chi phí tài chính
  - Có TK 131: (Nếu trừ luôn vào khoản phải thu)
  - Có TK 111, 112: (Nếu trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản)
- + Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911:
  - Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
  - Có TK 635: Chi phí tài chính
  - Nợ TK 635 – Chi phí tài chính
  - Có các TK 111, 112

**\*Chứng từ sử dụng:**

- + Các chứng từ thanh toán: phiếu thu,...
- + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán, hóa đơn,...

**\*Tài khoản sử dụng:**

- + TK 635: Chi phí tài chính
- + TK liên quan khác: TK 131, 111, 112,...

**\*Các mức CKTT công ty có thể dựa vào một số căn cứ như:**

Lãi suất tiền vay của ngân hàng Nhà Nước, mức chiết khấu của các doanh nghiệp cùng ngành,...

**Ví dụ minh họa** : Theo sổ chi tiết TK131 (Biểu 2.6) đối tượng là công ty cổ phần V & T . Theo hóa đơn GTGT003178, ngày 15/10/2017 xuất lớp bán cho công ty V & T với tổng số tiền thanh toán là 30.360.000đ (bao gồm cả VAT 10%). Theo hợp đồng, công ty cổ phần V & T có thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày công ty giao hàng. Ngày 18/10/2017 công ty cổ phần V & T chuyển khoản 30.360.000đ thanh toán tiền hàng hóa đơn GTGT003178. Do khách hàng thanh toán sớm hơn hợp đồng là 27 ngày nên được chiết khấu thanh toán và Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong đã chi khoản chiết khấu thanh toán này bằng chuyển khoản.

$$\begin{array}{l} \text{Tính khoản chiết khấu thanh} \\ \text{toán cho khách hàng} \end{array} = \frac{30.360.000}{365} \times 9\% \times 27 = 202.123\text{đ}$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 202.123

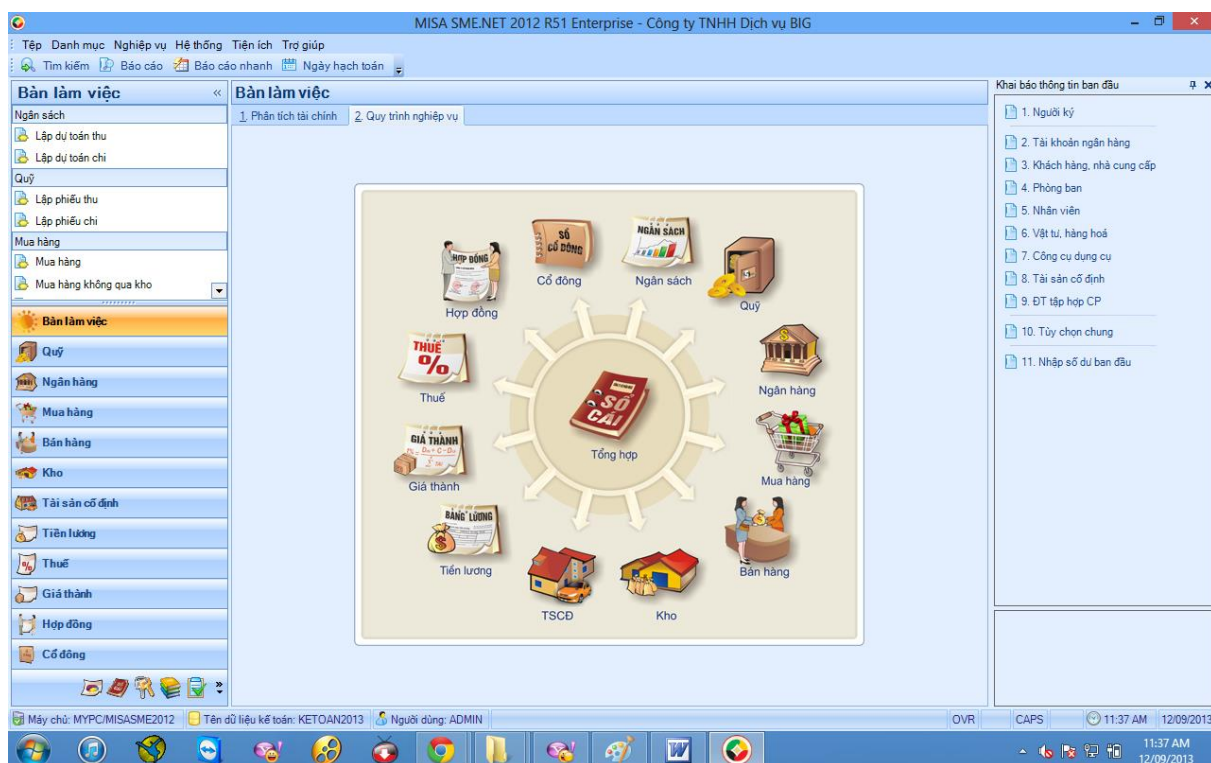
Có TK 112 : 202.123

**3.3.3. Giải pháp 3: Đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán**

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,...giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

– Thông tin về giá:

**Biểu 3.1: Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2015**

| Stt | Gói sản phẩm/dịch vụ | Đơn vị tính | Giá        | Mô tả chi tiết                                                                                                             |
|-----|----------------------|-------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Express              | Gói         | Miễn phí   | Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 150 chứng từ/năm.  |
| 2   | Starter              | Gói         | 2,950,000  | Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 1000 chứng từ/năm. |
| 3   | Standard             | Gói         | 6,950,000  | Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - 11 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.            |
| 4   | Professional         | Gói         | 8,950,000  | Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - 13 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.            |
| 5   | Enterprise           | Gói         | 10,950,000 | Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.     |

(Theo thông tin đơn vị cung cấp: Công ty CP Misa)

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy giáo Th.S Phạm Văn Tường, người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng và các cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

*Em xin chân thành cảm ơn !*

*Hải Phòng, ngày 7 tháng 1 năm 2019*

Sinh viên

Mai Thị Thu Hà

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp
2. Nguồn số liệu phòng tài chính – Kế toán công ty cổ phần thiết bị phụ tùng và vận tải Việt Phong.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.